

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HẠ TẦNG GELEX
GELEX INFRASTRUCTURE
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 49/2026/CBTT-HTGL

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026
Hanoi, July 29, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To:

- State Securities Commission of Vietnam
- Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG GELEX

Name of organization: GELEX INFRASTRUCTURE JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ Stock code: GEL

- Địa chỉ: Tòa nhà GELEX, số 52 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Address: GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 024 7306 3628

Fax:

- E-mail: vanthu@gelex-infra.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty cổ phần Hạ Tầng GELEX trân trọng công bố/GELEX Infrastructure Joint Stock Company respectfully disclosure information:

- Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng năm 2026

Report on Corporate Governance for the First 6 Months of 2026

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/07/2026 tại đường dẫn: <https://gelex-infra.vn/doc-cat/cong-bo-thong-tin>

This information was published on the company's website on July 29, 2026, as in the link: <https://gelex-infra.vn/doc-cat/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.



Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng năm 2026/
Report on Corporate Governance for the First 6 Months of 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG GELEX
GELEX INFRASTRUCTURE JOINT STOCK COMPANY

Người ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information



Bùi Đăng Khoa

Bui Dang Khoa



Số/No: 02./2026/BC-GEL

Hà Nội, ngày 29 tháng 12, năm 2026
Hanoi, December 29, 2026

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(6 tháng/năm 2026)
(6 months/year 2026)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG GELEX (“GEL” VÀ/HOẶC “CÔNG TY”)

Name of company: *GELEX INFRASTRUCTURE JOINT STOCK COMPANY (“GEL” AND/OR “COMPANY”)*

- Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà GELEX, số 52 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Address of headoffice: *GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam*

- Điện thoại/Telephone: 024 7306 3628 Fax: Email: vanthu@gelex-infra.vn

- Vốn điều lệ: 8.900.000.000.000 VNĐ

Charter capital: VND 8.900.000.000.000

- Mã chứng khoán/Stock symbol: GEL

- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”), Tổng Giám đốc.

General Meeting of Shareholders (“GMS”), Board of Directors (“BOD”), Board of Supervisors, General Director.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện



The implementation of internal audit: Implemented

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
01	01/2026/NQ-DHĐCĐ	26/06/2026 (Họp thường niên) (Annual Meeting)	- Thông qua Danh sách Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại Hội và Quy chế làm việc của Đại Hội. <i>Approval the list of the Vote Counting Committee, the Meeting Agenda and the Working Regulations of the Meeting.</i> - Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng, kế hoạch năm 2026. <i>Approval the Report of the General Director on 2025 business performance and orientations for 2026.</i> - Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026. <i>Approval the Report of the Board of Directors on governance, 2025 performance and orientations for 2026.</i> - Thông qua Báo cáo hoạt động và kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị Bà Phan Thị Hạnh Dung về hoạt động của hội đồng quản trị năm 2025. <i>Approval the Report on the activities and assessment results of Ms. Phan Thi Hanh Dung, Independent member of the Board of Directors, regarding the activities of the Board of Directors in 2025.</i> - Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát.

			<i>Approval the Report of the Board of Supervisors.</i> - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán (<i>Báo cáo tài chính riêng năm 2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán</i>). <i>Approval the 2025 Audited Financial Statements (The 2025 Audited Separate Financial Statements and the 2025 Audited Consolidated Financial Statements).</i> - Thông qua Báo cáo thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. <i>Approve the Report on change of plan for use of proceeds from the initial public offering.</i> - Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng năm 2026 đã được kiểm toán. <i>Approve the audited Report on use of proceeds from the initial public offering in 2026.</i> - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công Ty. <i>Approve the 2025 profit distribution plan of the Company.</i> - Thông qua các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công Ty. <i>Approve the key business plan targets for 2026 of the Company.</i> - Thông qua báo cáo về các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với Công ty cổ phần Tập Đoàn GELEX trong năm 2025, đầu năm 2026 và các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX dự kiến sẽ phát sinh sau Đại Hội đến ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027 và thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. <i>Approve the report on contracts and transactions between the Company and GELEX Group Joint Stock Company in 2025, early 2026 and contracts and transactions between the Company and GELEX Group Joint Stock Company expected to arise after</i>
--	--	--	--

			<i>the Meeting until the 2027 Annual General Meeting of Shareholders and falling within the authority of the General Meeting of Shareholders.</i> - Thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công Ty <i>Approve the change to the Company's business lines.</i> - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công Ty. <i>Approve the amendments and supplements to the Company's Charter.</i> - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. <i>Approve the amendments and supplements to the Internal Regulations on Corporate Governance of the Company.</i> - Thông qua báo cáo về việc chi trả thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT năm 2025 và kế hoạch trả thù lao và các khoản thu nhập khác của HĐQT năm 2026. <i>Approve the report on payment of remuneration and other incomes of the Board of Directors in 2025 and the plan for payment of remuneration and other incomes of the BOD in 2026.</i> - Thông qua báo cáo về việc chi trả thù lao và các khoản thu nhập khác của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch trả thù lao và các khoản thu nhập khác của BKS năm 2026. <i>Approve the report on payment of remuneration and other incomes of the Board of Supervisors in 2025 and the plan for payment of remuneration and other incomes of the BOS in 2026.</i> - Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026 và một số nội dung liên quan. <i>Approve the selection of an independent audit firm for financial year 2026 and certain related matters.</i>
--	--	--	--

			- Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công Ty. <i>Approve the plan for private placement of shares to increase the charter capital of the Company.</i>
--	--	--	---

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/ *Board of Directors (Semi-annual report):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/*Information about the members of the Board of Directors:*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Directors' members</i>	Chức vụ/ <i>Position</i> (thành viên HĐQT độc lập, TVHDQT không điều hành) <i>Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Ông Lê Tuấn Anh <i>Mr. Le Tuan Anh</i>	Chủ tịch HĐQT (TVHDQT không điều hành) <i>Chairman of the Board of Directors (Non-executive member of the BOD))</i>	20/10/2021 (*) Ông Lê Tuấn Anh được bầu làm Chủ tịch HĐQT từ ngày 07/10/2025 (*) <i>Mr. Le Tuan Anh was elected as Chairman of the Board of Directors effective from October 07, 2025.</i>	
2	Ông Lương Thanh Tùng <i>Mr. Luong Thanh Tung</i>	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	02/10/2020 (*) Ông Lương Thanh Tùng được bầu làm Phó Chủ tịch	

		<i>Vice Chairman of the Board of Directors cum General Director</i>	HDQT từ ngày 25/03/2025 (*) Mr. Luong Thanh Tung was elected as Vice Chairman of the Board of Directors effective from 25/03/2025.	
3	Ông Nguyễn Hoàng Long Mr. Nguyen Hoang Long	Phó chủ tịch HDQT (TV HDQT không điều hành) <i>Vice Chairman of the Board of Directors (Non-executive member of the BOD)</i>	20/10/2021 (*) Ông Nguyễn Hoàng Long được bầu làm Phó Chủ tịch HDQT từ ngày 25/03/2025 (*) Mr. Nguyen Hoang Long was elected as Vice Chairman of the Board of Directors effective from 25/03/2025	
4	Ông Trần Mạnh Hữu Mr. Tran Manh Huu	Thành viên HDQT (TV HDQT không điều hành) <i>Member of the Board of Directors (Non-executive member of the BOD)</i>	07/10/2025	
5	Bà Phan Thị Hạnh Dung Ms. Phan Thi Hanh Dung	Thành viên HDQT (Thành viên HDQT độc lập) <i>Member of the Board of Directors (Independent member of the BOD)</i>	07/10/2025	

2. Các cuộc họp HDQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Lê Tuấn Anh <i>Mr. Le Tuan Anh</i>	7/7	100%	
2	Ông Lương Thanh Tùng <i>Mr. Luong Thanh Tung</i>	7/7	100%	
3	Ông Nguyễn Hoàng Long <i>Mr. Nguyen Hoang Long</i>	7/7	100%	
4	Ông Trần Mạnh Hữu <i>Mr. Tran Manh Huu</i>	7/7	100%	
5	Bà Phan Thị Hạnh Dung <i>Ms. Phan Thi Hanh Dung</i>	7/7	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

HĐQT đã thực hiện giám sát Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý trong việc: Tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ; việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của GEL; đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của GEL nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động, sáng tạo của Ban Tổng Giám Đốc.

The BOD has supervised the Executive Board and managers in the following areas: implementation of the Resolutions of the GMS; execution of the BOD's Resolutions and Decisions; management of the GEL's business activities; ensuring compliance with legal regulations and adherence to the GEL's Charter without affecting the proactivity and creativity of the Executive Board.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): Không có/None

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua (*) <i>Approval rate</i>
1.	Số 01/2026/NQ - HĐQT <i>No. 01/2026/NQ - HĐQT</i>	07/01/2026	Thông qua kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2026. <i>Approve the Internal Audit Plan for 2026.</i>	100%
2.	Số 02/2026/NQ - HĐQT <i>No. 02/2026/NQ - HĐQT</i>	14/01/2026	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. <i>Approval of the Results of the Public Offering of Shares.</i>	100%
3.	Số 03/2026/NQ - HĐQT <i>No. 03/2026/NQ - HĐQT</i>	14/01/2026	Thông qua việc hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá. <i>Approval of the Refund of Bid Deposits to Investors Participating in the Auction.</i>	80%
4.	Số 04/2026/NQ - HĐQT <i>No. 04/2026/NQ - HĐQT</i>	14/01/2026	Phê duyệt đơn vị thực hiện hợp đồng dịch vụ kiểm toán Báo cáo vốn điều lệ đã góp của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX <i>Approval of the Appointment of the Service Provider for the Audit of GELEX Infrastructure Joint Stock Company's Contributed Charter Capital Report</i>	100%
5.	Số 05/2026/NQ - HĐQT <i>No. 05/2026/NQ - HĐQT</i>	15/01/2026	Thông qua kế hoạch tăng vốn Quý I năm 2026 để phục vụ sản xuất kinh doanh Công ty TNHH FIH (Vietnam) <i>Approval of the Capital Increase Plan for the First</i>	100%

			<i>Quarter of 2026 to Support the Business Operations of FII (Vietnam) Co., Ltd.</i>	
6.	Số 06/2026/NQ - HĐQT <i>No. 06/2026/NQ - HĐQT</i>	15/01/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 03/2026/ĐDV-VBXYK ngày 08/01/2026 của những Người đại diện vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 03/2026/ĐDV-VBXYK dated Jan 08, 2026 of capital representatives at Viglacera Corporation – JSC</i>	100%
7.	Số 07/2026/NQ - HĐQT <i>No. 07/2026/NQ - HĐQT</i>	15/01/2026	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX <i>Approval the Company Governance Officer of GELEX Infrastructure Joint Stock Company</i>	100%
8.	Số 08/2026/NQ - HĐQT <i>No. 08/2026/NQ - HĐQT</i>	15/01/2026	Thông qua việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do thay đổi vốn điều lệ công ty <i>Approval of the Registration of Changes to the Enterprise Registration Certificate Due to the Change in the Company's Charter Capital</i>	100%
9.	Số 10/2026/NQ - HĐQT <i>No. 10/2026/NQ - HĐQT</i>	16/01/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 02/2026/ĐDV-VBXYK ngày 08/01/2026 của những Người đại diện vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 02/2026/ĐDV-VBXYK dated Jan 08, 2026 of</i>	100%

			<i>capital representatives at Viglacera Corporation – JSC</i>	
10.	Số 11/2026/NQ - HĐQT <i>No. 11/2026/NQ - HĐQT</i>	19/01/2026	Phê duyệt kế hoạch ngân sách/chỉ phí quản lý doanh nghiệp năm 2026 <i>Approval of the 2026 Budget Plan for Administrative Expenses</i>	100%
11.	Số 12/2026/NQ - HĐQT <i>No. 12/2026/NQ - HĐQT</i>	19/01/2026	Chủ trương thành lập Văn phòng đại diện Công Ty tại Thành phố Hồ Chí Minh <i>Approval in Principle for the Establishment of the Company's Representative Office in Ho Chi Minh City</i>	100%
12.	Số 13/2026/NQ - HĐQT <i>No. 13/2026/NQ - HĐQT</i>	19/01/2026	Thông qua và ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX <i>Approval and Issuance of the Information Disclosure Regulation of GELEX Infrastructure Joint Stock Company</i>	100%
13.	Số 14/2026/NQ - HĐQT <i>No. 14/2026/NQ - HĐQT</i>	19/01/2026	Phê duyệt danh mục các Dự án triển khai/nghiên cứu phát triển của Công Ty năm 2026 <i>Approval of the List of the Company's Projects for Implementation and Development Study in 2026</i>	100%
14.	Số 15/2026/NQ - HĐQT <i>No. 15/2026/NQ - HĐQT</i>	19/01/2026	Thông qua hợp đồng/giao dịch với người có liên quan năm 2026 <i>Approval of the contracts/transactions with related parties for the year 2026</i>	100%

15.	Số 16/2026/NQ - HĐQT No. 16/2026/NQ - HĐQT	19/01/2026	Thông qua giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX <i>Approval of the Reference Price for the First Trading Day of GELEX Infrastructure Joint Stock Company's Shares</i>	100%
16.	Số 17/2026/NQ - HĐQT No. 17/2026/NQ - HĐQT	19/01/2026	Sửa đổi Điều lệ của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX <i>Amendment of the Charter of GELEX Infrastructure Joint Stock Company</i>	100%
17.	Số 19/2026/NQ - HĐQT No. 19/2026/NQ - HĐQT	26/01/2026	Thông qua việc thực hiện tăng vốn tại Công ty cổ phần Titan Hải Phòng theo phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đã được phê duyệt <i>Approval of capital increase at Titan Hai Phong Joint Stock Company according to the approved initial public offering plan</i>	100%
18.	Số 20/2026/NQ - HĐQT No. 20/2026/NQ - HĐQT	19/01/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 0801/2026/ĐDV-VBXYK ngày 08/01/2026 của những Người đại diện vốn tại Công ty TNHH Titan Corporation <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 0801/2026/ĐDV-VBXYK dated Jan 08, 2026 of capital representatives at Titan Corporation Co., Ltd.</i>	100%
19.	Số 21/2026/NQ - HĐQT No. 21/2026/NQ - HĐQT	29/01/2026	Thông qua phương án góp thêm vốn điều lệ tại Công ty TNHH Titan Corporation (" Titan Corp ") làm cơ sở để Titan Corp góp thêm vốn	100%

			điều lệ vào Công ty TNHH Công nghiệp Titan (Hung Yên) <i>Approval of the plan to contribute additional charter to Titan Corporation Limited ("Titan Corp") as the basis for Titan Corp to contribute additional charter capital to Titan Industrial (Hung Yen) Corporation Limited</i>	
20.	Số 22/2026/NQ - HĐQT <i>No. 22/2026/NQ - HĐQT</i>	29/01/2026	Phê duyệt khoản vay nước ngoài 200 triệu USD do The Hongkong And Shanghai Banking Corporation Limited, chi nhánh Singapore thu xếp và một số giao dịch, nội dung liên quan <i>Approval of the USD 200 Million Offshore Loan Arranged by The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited, Singapore Branch, and Related Transactions and Matters</i>	100%
21.	Số 23/2026/NQ - HĐQT <i>No. 23/2026/NQ - HĐQT</i>	05/02/2026	Cho ý kiến/thông qua đối với Văn bản xin ý kiến số 02/2026/ĐDV-VBXYK ngày 04/02/2026 của những Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn <i>Providing opinions/ approval on Opinion Request Document No. 02/2026/ĐDV-VBXYK dated Feb 04, 2026 of capital representatives at Long Son Petrochemical Industrial Park Investment JSC</i>	100%

22.	Số 24/2026/NQ - HĐQT No. 24/2026/NQ - HĐQT	06/02/2026	Thông qua việc hợp tác chiến lược với Tập đoàn Frasers Property Limited và các nội dung liên quan <i>Approval of the Strategic Partnership with Frasers Property Limited and Related Matters</i>	100%
23.	Số 25/2026/NQ - HĐQT No. 25/2026/NQ - HĐQT	06/02/2026	Thông qua phương án góp thêm vốn điều lệ tại Công ty TNHH FIH (Vietnam) <i>Approval of the plan to contribute additional charter to FIH (Vietnam) Limited Liability Company</i>	100%
24.	Số 25A/2026/NQ - HĐQT No. 25A/2026/NQ - HĐQT	06/02/2026	Thông qua phương án vay vốn Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam và các nội dung liên quan <i>Approval of the Borrowing Plan with Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank) and Related Matters</i>	100%
25.	Số 26/2026/NQ - HĐQT No. 26/2026/NQ - HĐQT	09/02/2026	Phê duyệt phương án tính lương tháng 13 và thưởng hiệu quả công việc theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 <i>Approval of the Plan for the 13th-Month Salary and Performance Bonus Based on the Company's 2025 Business Performance</i>	100%
26.	Số 27/2026/NQ - HĐQT No. 27/2026/NQ - HĐQT	09/02/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 02.02/2026/ĐDV-VBXYK ngày 02/02/2026 của những	100%

			Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Titan Hải Phòng <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 02.02/2026/ĐDV-VBXYK dated Feb 02, 2026 of capital representatives at Titan Hai Phong Joint Stock Company</i>	
27.	Số 28/2026/NQ-HĐQT <i>No. 28/2026/NQ - HĐQT</i>	09/02/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 57/2026/ĐDV-VBXYK ngày 03/02/2026 của những Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 57/2026/ĐDV-VBXYK dated Feb 03, 2026 of capital representatives at Song Da Clean Water Investment Joint Stock Company</i>	100%
28.	Số 30/2026/NQ-HĐQT <i>No. 30/2026/NQ - HĐQT</i>	10/02/2026	Cho ý kiến/thông qua đối với Văn bản xin ý kiến số 04/2026/ĐDV-VBXYK ngày 09/02/2026 của những Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn <i>Providing opinions/ approval on Opinion Request Document No. 04/2026/ĐDV-VBXYK dated Feb 09, 2026 of capital representatives at Long Son Petrochemical Industrial Park Investment JSC</i>	100%
29.	Số 31/2026/NQ-HĐQT <i>No. 31/2026/NQ - HĐQT</i>	11/02/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 04/2026/ĐDV-VBXYK ngày 27/01/2026 của những Người đại diện	100%

			vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP (“VGC”) <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 04/2026/DDV-VBXYK dated Jan 27, 2026 of capital representatives at Viglacera Corporation – JSC (“VGC”)</i>	
30.	Số 32/2026/NQ-HĐQT <i>No. 32/2026/NQ - HĐQT</i>	11/02/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 22.01/2026/DDV-VBXYK ngày 22/01/2026 của những Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Viglacera Phú Thọ <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 22.01/2026/DDV-VBXYK dated Jan 22, 2026 of capital representatives at Viglacera Phu Tho Joint Stock Company</i>	100%
31.	Số 33/2026/NQ-HĐQT <i>No. 33/2026/NQ - HĐQT</i>	13/02/2026	Phương án tham gia góp vốn thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình <i>Plan for capital contribution to the implementation of the Gia Binh International Airport construction investment Project</i>	100%
32.	Số 34/2026/QĐ-HĐQT <i>No. 34/2026/QĐ - HĐQT</i>	13/02/2026	Cử đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX tại Công ty cổ phần Cảng hàng không quốc tế Masterise <i>Appointment of the Authorized Representative of GELEX Infrastructure Joint Stock Company at Masterise Aviation</i>	100%

			<i>Infrastructure Joint Stock Company</i>	
33.	Số 35/2026/NQ-HĐQT <i>No. 35/2026/NQ - HĐQT</i>	13/02/2026	Thông qua phương án thay đổi mục đích sử dụng vốn được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng <i>Approval of the plan to change the purpose of using capital obtained from the public offering of shares</i>	100%
34.	Số 36/2026/NQ - HĐQT <i>No. 36/2026/NQ - HĐQT</i>	13/02/2026	Thông qua phương án tối ưu nguồn vốn thu được từ chào bán cổ phiếu ra công chúng <i>Approval of the Plan for the Efficient Utilization of the Proceeds from the Public Offering of Shares</i>	100%
35.	Số 37/2026/NQ - HĐQT <i>No. 37/2026/NQ - HĐQT</i>	13/02/2026	Cử đại diện vốn của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX tại Công ty cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn <i>Appointment of the Authorized Representative of GELEX Infrastructure Joint Stock Company at Long Son Petrochemical Industrial Park Investment JSC</i>	100%
36.	Số 38/2026/NQ - HĐQT <i>No. 38/2026/NQ - HĐQT</i>	13/02/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 06/2026/ĐDV-VBXYK ngày 11/02/2026 của những Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 06/2026/ĐDV-VBXYK dated Feb 11, 2026 of capital representatives at West Hanoi Clean Water Joint Stock Company</i>	100%

37.	Số 39/2026/NQ - HĐQT No. 39/2026/NQ - HĐQT	24/02/2026	Phương án góp vốn thành lập công ty <i>Capital Contribution Plan of the Establishment of Companies</i>	100%
38.	Số 40/2026/NQ - HĐQT No. 40/2026/NQ - HĐQT	24/02/2026	Đồng ý phương án Công ty cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà góp vốn thành lập Công ty TNHH Hạ tầng GELEX Tây Thành Phố và một số nội dung liên quan <i>Approval of the Capital Contribution Plan by Song Da Clean Water Investment Joint Stock Company for the Establishment of GELEX West City Infrastructure Limited Company and Related Matters</i>	100%
39.	Số 41/2026/NQ - HĐQT No. 41/2026/NQ - HĐQT	24/02/2026	Cử đại diện vốn của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX tại Công ty TNHH Hạ tầng GELEX Bắc Sài Gòn 1 <i>Appointment of the Authorized Representative of GELEX Infrastructure Joint Stock Company at GELEX Bac Sai Gon 1 Infrastructure Limited Company</i>	100%
40.	Số 42/2026/NQ - HĐQT No. 42/2026/NQ - HĐQT	24/02/2026	Cử đại diện vốn của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX tại Công ty TNHH Hạ tầng GELEX Bắc Sài Gòn 2 <i>Appointment of the Authorized Representative of GELEX Infrastructure Joint Stock Company at GELEX Bac Sai Gon 2 Infrastructure Limited Company</i>	100%

41.	Số 43/2026/NQ - HĐQT <i>No. 43/2026/NQ - HĐQT</i>	25/02/2026	Điều chỉnh một số nội dung của Nghị quyết số 52C/2025/NQ-HĐQT <i>Amendment certain contents of Resolution No. 52C/2025/NQ-HĐQT</i>	100%
42.	Số 44/2026/NQ - HĐQT <i>No. 44/2026/NQ - HĐQT</i>	05/03/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 05/2026/ĐDV-VBXYK ngày 03/02/2026 của những Người đại diện vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 05/2026/ĐDV-VBXYK dated Feb 03, 2026 of capital representatives at Viglacera Corporation – JSC</i>	100%
43.	Số 45/2026/NQ - HĐQT <i>No. 45/2026/NQ - HĐQT</i>	05/03/2026	Điều chỉnh phương án sử dụng vốn vay nước ngoài để phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty của khoản vay nước ngoài 200 triệu USD do The Hongkong And Shanghai Banking Corporation Limited, chi nhánh Singapore thu xếp <i>Approval of the Amendment to the Utilization Plan for the USD 200 Million Offshore Loan Arranged by The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited, Singapore Branch, to Support the Company's Business Operations</i>	100%
44.	Số 46/2026/NQ - HĐQT <i>No. 46/2026/NQ - HĐQT</i>	06/03/2026	Thành lập/đăng ký hoạt động văn phòng đại diện của Công Ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	100%

			<i>Establishment and Registration of the Company's Representative Office in Ho Chi Minh City</i>	
45.	Số 47/2026/NQ- HĐQT <i>No. 47/2026/NQ - HĐQT</i>	11/03/2026	Thông qua góp vốn thành lập Công ty <i>Approval of Capital Contribution Plan for the Establishment of Company</i>	100%
46.	Số 48/2026/NQ - HĐQT <i>No. 48/2026/NQ - HĐQT</i>	13/03/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 30/2026/ĐDV-VBXYK ngày 19/01/2026 của Những người đại diện vốn của Công ty tại CTCP Đầu tư Nước sạch Sông Đà <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 30/2026/DDV-VBXYK dated Jan 19, 2026 of the Company's capital representatives at Song Da Clean Water Investment JSC</i>	100%
47.	Số 49/2026/NQ - HĐQT <i>No. 49/2026/NQ - HĐQT</i>	13/03/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 06/2026/ĐDV-VBXYK ngày 02/03/2026 của những Người đại diện vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 06/2026/ĐDV-VBXYK dated Mar 02, 2026 of capital representatives at Viglacera Corporation – JSC</i>	100%
48.	Số 50/2026/NQ - HĐQT <i>No. 50/2026/NQ - HĐQT</i>	20/03/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 07/2026/ĐDV-VBXYK ngày 13/03/2026 của những Người đại diện vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP	100%

			<i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 07/2026/ĐDV-VBXYK dated Mar 13, 2026 of capital representatives at Viglacera Corporation – JSC</i>	
49.	Số 51/2026/NQ - HĐQT <i>No. 51/2026/NQ - HĐQT</i>	23/03/2026	Thành lập/đăng ký hoạt động văn phòng đại diện của Công Ty tại Thành phố Hồ Chí Minh <i>Establishment and Registration of the Company's Representative Office in Ho Chi Minh City</i>	100%
50.	Số 52/2026/NQ - HĐQT <i>No. 52/2026/NQ - HĐQT</i>	25/03/2026	Thông qua phương án góp thêm vốn điều lệ tại Công ty TNHH FIH (Vietnam) <i>Approval of the plan to contribute additional charter to FIH (Vietnam) Limited Liability Company</i>	100%
51.	Số 53/2026/NQ - HĐQT <i>No. 53/2026/NQ - HĐQT</i>	26/03/2026	Chủ trương nghiên cứu thẩm định dự án cho mục đích M&A <i>Approval in Principle for Conducting Due Diligence on a Project for M&A Purposes</i>	100%
52.	Số 54/2026/NQ - HĐQT <i>No. 54/2026/NQ - HĐQT</i>	27/03/2026	Gia hạn thời gian tổ chức và kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 <i>Extension of the timeline organization and the plan for the organization of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
53.	Số 55/2026/NQ - HĐQT <i>No. 55/2026/NQ - HĐQT</i>	03/04/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 131/2026/ĐDV-VBXYK	100%

			ngày 23/03/2026 của Những người đại diện vốn của Công ty tại CTCP Đầu tư Nước sạch Sông Đà <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 131/2026/DDV-VBXYK dated Mar 23, 2026 of the Company's capital representatives at Song Da Clean Water Investment JSC</i>	
54.	Số 56/2026/NQ - HĐQT <i>No. 56/2026/NQ - HĐQT</i>	08/04/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 09/2026/ĐDV-VBXYK ngày 30/03/2026 của những Người đại diện vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 09/2026/ĐDV-VBXYK dated Mar 30, 2026 of capital representatives at Viglacera Corporation – JSC</i>	100%
55.	Số 57/2026/NQ - HĐQT <i>No. 57/2026/NQ - HĐQT</i>	09/04/2026	Cử đại diện vốn của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX tại Công ty cổ phần Viglacera Thái Nguyên <i>Appointment of the Authorized Representative of GELEX Infrastructure Joint Stock Company at Viglacera Thai Nguyen JSC</i>	100%
56.	Số 57A/2026/NQ - HĐQT <i>No. 57A/2026/NQ - HĐQT</i>	09/04/2026	Thôi cử đại diện vốn của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX tại Công ty cổ phần Viglacera Thái Nguyên <i>Termination of the Appointment of the Capital Representative of GELEX Infrastructure Joint Stock</i>	100%

			<i>Company at Viglacera Thai Nguyen JSC</i>	
57.	Số 58/2026/NQ - HĐQT <i>No. 58/2026/NQ - HĐQT</i>	10/04/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 26.03/2026/ĐDV-VBXYK ngày 26/03/2026 của những Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Viglacera Phú Thọ <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 26.03/2026/ĐDV-VBXYK dated Mar 26, 2026 of capital representatives at Viglacera Phu Tho JSC</i>	100%
58.	Số 59/2026/NQ - HĐQT <i>No. 59/2026/NQ - HĐQT</i>	13/04/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 10/2026/ĐDV-VBXYK ngày 06/04/2026 của những Người đại diện vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 10/2026/ĐDV-VBXYK dated Apr 06, 2026 of capital representatives at Viglacera Corporation – JSC</i>	100%
59.	Số 60/2026/NQ-HĐQT <i>No. 60/2026/NQ - HĐQT</i>	15/04/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 08/2026/ĐDV-VBXYK ngày 24/03/2026 của những Người đại diện vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 08/2026/ĐDV-VBXYK dated Mar 24, 2026 of capital representatives at Viglacera Corporation – JSC</i>	100%
60.	Số 61/2026/NQ - HĐQT	15/04/2026	Cho ý kiến/thông qua đối với Văn bản xin ý kiến số	100%

	No. 61/2026/NQ - HĐQT		07/2026/ĐDV-VBXYK ngày 26/03/2026 của những Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn <i>Providing opinions/ approval on Opinion Request Document No. 07/2026/ĐDV-VBXYK dated Mar 26, 2026 of capital representatives at Long Son Petrochemical Industrial Park Investment JSC</i>	
61.	Số 62/2026/NQ - HĐQT No. 62/2026/NQ - HĐQT	17/04/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 11/2026/ĐDV- VBXYK ngày 10/04/2026 của những Người đại diện vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 11/2026/ĐDV-VBXYK dated Apr 10, 2026 of capital representatives at Viglacera Corporation – JSC</i>	100%
62.	Số 63/2026/NQ - HĐQT No. 63/2026/NQ - HĐQT	18/04/2026	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần Viglacera Thái Nguyên <i>2026 Production and Business Plan of Viglacera Thai Nguyen Joint Stock Company</i>	100%
63.	Số 64/2026/NQ - HĐQT No. 64/2026/NQ - HĐQT	24/04/2026	Điều chỉnh mức tạm ứng thù lao/thu nhập của từng Thành viên Hội đồng quản trị Công ty năm 2026 đến trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 <i>Approval of the Adjustment to the Advance Remuneration/Income for</i>	100%

			<i>Each Member of the Board of Directors Until the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>	
64.	Số 65/2026/NQ - HĐQT No. 65/2026/NQ - HĐQT	28/04/2026	Cho ý kiến/thông qua đối với Văn bản xin ý kiến số 09/2026/ĐDV-VBXYK ngày 16/04/2026 của những Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn <i>Providing opinions/ approval on Opinion Request Document No. 09/2026/ĐDV-VBXYK dated Apr 16, 2026 of capital representatives at Long Son Petrochemical Industrial Park Investment JSC</i>	100%
65.	Số 66/2026/QĐ - HĐQT No. 66/2026/QĐ - HĐQT	28/04/2026	Cử đại diện vốn của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX tại Công ty cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn <i>Appointment of the Authorized Representative of GELEX Infrastructure Joint Stock Company at Long Son Petrochemical Industrial Park Investment JSC</i>	100%
66.	Số 67/2026/NQ - HĐQT No. 67/2026/NQ - HĐQT	28/04/2026	Phê duyệt Quy chế hoạt động của Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh <i>Approval of the Operating Regulations of the Representative Office in Ho Chi Minh City</i>	100%
67.	Số 67A/2026/NQ - HĐQT	04/05/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 01/2026/ĐDV-VBXYK ngày 28/04/2026 của những Người đại diện	100%

	No. 67A/2026/NQ - HĐQT		vốn tại Công ty cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 01/2026/ĐDV-VBXYK dated Apr 28, 2026 of capital representatives at West Hanoi Clean Water Joint Stock Company</i>	
68.	Số 68/2026/NQ - HĐQT No. 68/2026/NQ - HĐQT	11/05/2026	Thông qua phương án góp thêm vốn điều lệ tại Công ty TNHH FIH (Vietnam) <i>Approval of the plan to contribute additional charter capital to FIH (Vietnam) Company Limited</i>	100%
69.	Số 68A/2026/NQ - HĐQT No. 68A/2026/NQ - HĐQT	11/05/2026	Ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng năm 2026 của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX <i>Execution of the Audit Service Agreement for the 2026 Audit of the Report on the Use of Proceeds from GELEX Infrastructure Joint Stock Company's Initial Public Offering</i>	100%
70.	Số 69/2026/NQ - HĐQT No. 69/2026/NQ - HĐQT	11/05/2026	Thông qua phương án thoái khoản đầu tư <i>Approval of the Investment Divestment Plan</i>	100%
71.	Số 70/2026/NQ - HĐQT No. 70/2026/NQ - HĐQT	11/05/2026	Chấp thuận việc thế chấp tài sản theo hợp đồng chuyên nhượng hợp đồng hợp tác kinh doanh <i>Approval of the Mortgage of Assets under the Business</i>	100%

			<i>Cooperation Contract Assignment Agreement</i>	
72.	Số 71/2026/NQ - HĐQT No. 71/2026/NQ - HĐQT	12/05/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 12/2026/ĐDV-VBXYK ngày 23/04/2026 của những Người đại diện vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 12/2026/ĐDV-VBXYK dated Apr 23, 2026 of capital representatives at Viglacera Corporation – JSC</i>	100%
73.	Số 72/2026/NQ - HĐQT No. 72/2026/NQ - HĐQT	18/05/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 02/2026/ĐDV-VBXYK ngày 24/04/2026 của những Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Hàng không Masterise <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 02/2026/ĐDV-VBXYK dated Apr 24, 2026 of capital representatives at Masterise Aviation Infrastructure Joint Stock Company</i>	100%
74.	Số 73/2026/NQ - HĐQT No. 73/2026/NQ - HĐQT	18/05/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 14/2026/ĐDV-VBXYK ngày 12/05/2026 của những Người đại diện vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 14/2026/ĐDV-VBXYK dated May 12, 2026 of capital representatives at Viglacera Corporation – JSC</i>	100%

75.	Số 74/2026/NQ - HĐQT No. 74/2026/NQ - HĐQT	18/05/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 13/2026/ĐDV-VBXYK ngày 08/05/2026 của những Người đại diện vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 13/2026/ĐDV-VBXYK dated May 08, 2026 of capital representatives at Viglacera Corporation – JSC</i>	100%
76.	Số 75/2026/NQ - HĐQT No. 75/2026/NQ - HĐQT	20/05/2026	Quyết định các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, phê duyệt chương trình và tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và một số nội dung liên quan <i>Decision on the key business plan targets for 2026, approval of the agenda and materials for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders and other related matters</i>	100%
77.	Số 76/2026/NQ - HĐQT No. 76/2026/NQ - HĐQT	28/05/2026	Thông qua phương án góp vốn thành lập Công ty TNHH Phát triển GELEX và một số nội dung liên quan <i>Approval of the plan for capital contribution to establish GELEX Development Limited Company and certain related matters</i>	100%
78.	Số 77/2026/NQ - HĐQT No. 77/2026/NQ - HĐQT	28/05/2026	Cử Đại diện vốn của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX tại Công ty TNHH Phát triển GELEX	100%

			<i>Appointment of the Authorized Representative of GELEX Infrastructure Joint Stock Company at GELEX Development Limited Company</i>	
79.	Số 78/2026/NQ - HĐQT <i>No. 78/2026/NQ - HĐQT</i>	04/06/2026	Phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 <i>Approval of the amendments and supplements to the documents for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
80.	Số 79/2026/NQ - HĐQT <i>No. 79/2026/NQ - HĐQT</i>	04/06/2026	Thông qua chủ trương nghiên cứu việc chuyển nhượng một phần cổ phần tại Công ty cổ phần Titan Hải Phòng <i>Approval in Principle for Studying the Partial Transfer of Shares in Titan Hai Phong Joint Stock Company</i>	100%
81.	Số 80/2026/NQ - HĐQT <i>No. 80/2026/NQ - HĐQT</i>	19/06/2026	Phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX <i>Approval of the Appointment of the Independent Auditor for the 2026 Financial Statements of GELEX Infrastructure Joint Stock Company</i>	100%
82.	Số 81/2026/NQ - HĐQT <i>No. 81/2026/NQ - HĐQT</i>	19/06/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 16/2026/ĐDV-VBXYK ngày 11/06/2026 của những Người đại diện vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP	100%

			<i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 16/2026/ĐDV-VBXYK dated Jun 11, 2026 of capital representatives at Viglacera Corporation – JSC</i>	
83.	Số 82/2026/NQ - HĐQT <i>No. 82/2026/NQ - HĐQT</i>	23/06/2026	Cho ý kiến đối với Văn bản xin ý kiến số 15/2026/ĐDV-VBXYK ngày 09/06/2026 của những Người đại diện vốn tại Tổng công ty Viglacera – CTCP <i>Providing opinions on Opinion Request Document No. 15/2026/ĐDV-VBXYK dated Jun 09, 2026 of capital representatives at Viglacera Corporation – JSC</i>	100%
84.	Số 83/2026/NQ - HĐQT <i>No. 83/2026/NQ - HĐQT</i>	25/06/2026	Thông qua phương án giao dịch thế chấp/cầm cố cổ phần Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu vật liệu Kim Trang <i>Approval of the transaction plan for the pedgd/mortgage of shares held in Kim Trang Material Import Export Joint Stock Company</i>	100%

(*) Tỷ lệ thông qua là tỷ lệ các phiếu có quyền biểu quyết thông qua. Đối với nghị quyết thông qua các giao dịch với người có liên quan, phiếu của Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết và không ảnh hưởng đến tỷ lệ thông qua của các nghị quyết này.

(*) The approval rate represents the percentage of voting shares in favor. For resolutions approving transactions with related parties, the votes of Board of Directors' members having related interests are not entitled to vote and shall not be included in, nor affect, the approval rate of such resolutions.

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng)/ Board of Supervisors (Semi-annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ Information about members of Board of Supervisors:

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Supervisory Board</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Supervisory Board</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1	Bà Lê Việt Hà <i>Ms. Le Viet Ha</i>	Trưởng ban kiểm soát <i>Head of the Supervisory Board</i>	Ngày bắt đầu 14/12/2023 <i>Date of commencement: 14/12/2023</i>	Thạc sỹ quản trị kinh doanh <i>Master of Business Administration</i>
2	Ông Lê Anh Đức <i>Mr. Le Anh Duc</i>	Thành viên BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>	Ngày bắt đầu 14/12/2023 <i>Date of commencement: 14/12/2023</i>	Thạc sỹ quản lý tài chính và kế toán <i>Master of Financial Management and Accounting</i>
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền <i>Ms. Nguyen Thi Ngoc Huyen</i>	Thành viên BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>	Ngày bắt đầu 26/08/2025 <i>Date of commencement: 26/08/2023</i>	Thạc sỹ quản trị kinh doanh <i>Master of Business Administration</i>

2. Cuộc họp của BKS/Meetings of Board of Supervisors

Stt No.	Thành viên BKS/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Bà Lê Việt Hà <i>Ms. Le Viet Ha</i>	2/2	100%	100%	
2	Ông Lê Anh Đức	2/2	100%	100%	

	Mr. Le Anh Duc				
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền Ms. Nguyen Thi Ngoc Huyen	2/2	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:*

3.1. Tình hình hoạt động của HĐQT/*Activities of the BOD:*

Hội đồng quản trị của Công ty hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT; đã lãnh đạo, chỉ đạo và thường xuyên phối hợp với Ban Giám đốc điều hành trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

The BOD has operated in accordance with the functions and duties prescribed in the Law on Enterprises, the Company's Charter, and the BOD's Operating Regulation; providing leadership, direction, and regular coordination with the Executive Board in the management of the Company's business activities.

Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức đúng/đủ các cuộc họp định kỳ, có cả cuộc họp bất thường, luôn bám sát và thường xuyên chỉ đạo Ban Giám đốc điều hành thực hiện đúng Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quy định trong Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

The BOD has organized periodic and extraordinary meetings in full compliance, closely monitoring and directing the Executive Board to properly execute the Resolutions/Decisions of the BOD and the GMS; performing functions and duties as stipulated in the Law on Enterprises and the Company's Charter.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng quy định, đúng chức năng, quyền hạn, tuân thủ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như các quy định hiện hành của pháp luật.

Resolutions/Decisions of the BOD were issued in accordance with regulations, functions, and authority, complying with the Law on Enterprises, the Company's Charter, as well as current legal regulations.

3.2. Công tác điều hành của Ban Giám đốc điều hành/*Management activities of the Board of Management:*

Ban Giám đốc điều hành đã tổ chức triển khai/thực hiện công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng chức năng và quyền hạn theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tuân thủ nội dung các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

The Executive Board has organized the implementation/execution of the Company's business activities in accordance with the functions and authority as stipulated in the Law on Enterprises and the Company's Charter, adhering to the Resolutions/Decisions of the BOD.

Về công tác quản lý và điều hành: Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD được phân công, phân cấp cụ thể. Ban Giám đốc điều hành thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá mức độ hoàn thành công việc của bộ máy giúp việc trong công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp.

Regarding management and administration: The direction, administration, and execution of business tasks were assigned and decentralized with specificity. The Executive Board regularly inspected, supervised, and evaluated the performance of the assisting apparatus in corporate management and governance

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/the coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:

Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành của Công ty làm việc theo quy chế hoạt động của mỗi tổ chức, hoạt động độc lập nhưng thường xuyên có sự phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ, vì mục tiêu đưa Công ty ngày càng phát triển, hoạt động kinh doanh hiệu quả.

The Supervisory Board, the BOD, and the Executive Board of the Company operate in accordance with the respective operating regulations of each body, functioning independently while maintaining regular and close coordination and mutual support during the execution of their duties, with the objective of fostering the Company's sustainable development and ensuring efficient business operations.

Khi cần thiết, theo yêu cầu nhiệm vụ trong hoạt động SXKD, Trưởng Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị định kỳ/bất thường. Các ý kiến tham gia, thảo luận của Trưởng Ban kiểm soát tại cuộc họp đều được đưa ra trao đổi dân chủ và thông qua tại cuộc họp theo đúng quy định hiện hành.

When necessary, based on the requirements of business activities, the Head of the Supervisory Board is invited to attend periodic/extraordinary meetings of the BOD. All opinions and discussions contributed by the Head of the Supervisory Board at these meetings are discussed democratically and approved in accordance with current regulations.

Ban Giám đốc điều hành luôn tạo điều kiện, chỉ đạo các phòng/ban chuyên môn, nghiệp vụ phối hợp, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng từ có liên quan phục vụ cho công tác kiểm

tra, kiểm soát và thực thi nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành.

The Executive Board consistently creates favorable conditions and directs specialized departments to coordinate and provide full information, documents, and relevant vouchers to serve the inspection, control, and duty execution of the Supervisory Board as prescribed by the Company's Charter and the current Law on Enterprises.

Sau khi có kết quả làm việc của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát đã thông tin kịp thời kết quả hoạt động và những kiến nghị cần thiết đến Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty theo quy định. Đồng thời cũng tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Upon the conclusion of the Supervisory Board's activities, the Supervisory Board promptly communicated the operational results and necessary recommendations to the BOD and the Company's Executive Board in accordance with regulations. Simultaneously, the Supervisory Board also consulted the BOD regarding the issues addressed in the report before submitting it to the GMS.

5. Hoạt động khác của BKS(nếu có)/Other activities of the Board of Supervisors (if any):
Không/None

IV. Ban điều hành/ Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Management	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /
1	Ông Lương Thanh Tùng <i>Mr. Luong Thanh Tung</i>	22/07/1978	Kỹ sư Kinh tế xây dựng <i>Construction Economics Engineer</i>	Ngày bổ nhiệm 13/01/2023 <i>Date of appointment: 13/01/2023</i>
2	Ông Tôn Mạnh Dũng <i>Mr. Ton Manh Dung</i>	05/01/1977	Thạc sĩ kỹ thuật <i>Master Engineering</i>	Ngày bổ nhiệm 01/12/2021 <i>Date of appointment: 01/12/2021</i>

3	Ông Lê Văn Thắng <i>Mr. Le Van Thang</i>	17/12/1980	Kỹ sư điện – Tự động hóa <i>Electrical Engineering-Automation Engineer</i>	Ngày bổ nhiệm 01/12/2021 <i>Date of appointment:</i> 01/12/2021
4	Ông Nguyễn Quang Việt <i>Mr. Nguyen Quang Viet</i>	10/10/1974	Kỹ sư kiến trúc <i>Architecture Engineer</i>	Ngày bổ nhiệm 01/09/2022 <i>Date of appointment:</i> 01/09/2022
5	Ông Đào Văn Duy <i>Mr. Dao Van Duy</i>	20/09/1978	Thạc sĩ kỹ thuật <i>Master Engineering</i> of	Ngày bổ nhiệm 01/01/2026 <i>Date of appointment:</i> 01/01/2026
6	Bùi Đăng Khoa <i>Mr. Bui Dang Khoa</i>	26/12/1984	Cử nhân Kinh tế quốc tế <i>Bachelor International Economics</i> of	Ngày bổ nhiệm 18/04/2022 <i>Date of appointment:</i> 18/04/2022
7	Nguyễn Thị Hoàng Ngân <i>Nguyen Thi Hoang Ngan</i>	14/08/1987	Thạc sĩ quản trị kinh doanh <i>Master of Business Administration</i>	Ngày bổ nhiệm 02/08/2021 <i>Date of appointment:</i> 02/08/2021

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>
Nguyễn Thị Hoàng Ngân <i>Nguyen Thi Hoang Ngan</i>	14/08/1987	Thạc sĩ quản trị kinh doanh <i>Master of Business Administration</i>	Ngày bổ nhiệm 02/08/2021 <i>Date of appointment:</i> 02/08/2021

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, General Director, other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

- Tháng 06/2026: Khóa học “Nâng tầm tư duy lãnh đạo”
June 2026: Course: "Enhancing Leadership Thinking"
- Tháng 02/2026: Khóa học “Cập nhật kiến thức thuế”
February 2026: Course: "Tax Knowledge Update"

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company

Cụ thể theo Phụ lục 1 của Báo cáo này./ *As detailed in Appendix 1 of this Report.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.

Cụ thể theo Phụ lục 2 của Báo cáo này./ *As detailed in Appendix 2 of this Report.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.

Cụ thể theo Phụ lục 3 của Báo cáo này./ *As detailed in Appendix 3 of this Report.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/Transactions between the Company and other objects

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).

Cụ thể theo Phụ lục 4 của Báo cáo này./ *As detailed in Appendix 4 of this Report.*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of

Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).

Không có/ None

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Supervisory Board, Director (General Director) and other managers.*

Không có/ None

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-Annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company

Cụ thể theo Phụ lục 5 của Báo cáo này./ *As detailed in Appendix 5 of this Report*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

Cụ thể theo Phụ lục 6 của Báo cáo này./ *As detailed in Appendix 6 of this Report*

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Không/None

Nơi nhận:

Recipients:

- Như kính gửi;

As stated above;

- Lưu HCNS

Archived at the Human Resources and Administration Department.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
(Sign, full name and seal)



LÊ TUẤN ANH

LE TUAN ANH

PHỤ LỤC 1.
APPENDIX 1
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY
LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
1.	Lê Tuấn Anh Le Tuan Anh		Chủ tịch HĐQT Chairman of the BOD					20/10/2021 (*) Ông Lê Tuấn Anh được bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 07/10/2025 (*) Mr. Le Tuan Anh was appointed Chairman of the BOD on 07/10/2025			Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
2.	Lương Thanh Tùng Lương Thanh Tùng		Phó Chủ tịch HĐQT/T ổng Giám đốc/ người đại diện theo pháp luật					02/10/2020 (*) Ông Lương Thanh Tùng được bổ nhiệm là Phó Chủ tịch HĐQT ngày 25/03/2025			Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
			Vice Chairman of the BOD / General Director/ Legal Represent ative					(*) Mr. Luong Thanh Tung was appointed Vice Chairman of the BOD on 25/03/2025			
3.	Nguyễn Hoàng Long Nguyễn Hoàng Long		Phó Chủ tịch HĐQT Vice Chairman of the BOD					20/10/2021 (*) Ông Nguyễn Hoàng Long được bổ nhiệm là Phó Chủ tịch HĐQT ngày 25/03/2025 (*) Mr. Nguyen Hoang Long was appointed Vice Chairman of the BOD on 25/03/2025			Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
4.	Trần Mạnh Hữu Trần Mạnh Huu		Thành viên HĐQT					07/10/2025		Bổ nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ 04/2025/NQ-	Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
			Member of the BOD							ĐHĐCĐ ngày 07/10/2025 Appointed under Resolution of the GMS No. 04/2025/NQ- ĐHĐCĐ dated 07/10/2025	
5.	Phan Thị Hạnh Dung Phan Thị Hạnh Dung		Thành viên độc lập HDQT Independent -ent Member of the BOD					07/10/2025		Bổ nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ 04/2025/NQ- ĐHĐCĐ ngày 07/10/2025 Appointed under Resolution of the GMS No. 04/2025/NQ- ĐHĐCĐ dated 07/10/2025	Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
6.	Tôn Mạnh Dung Ton Mạnh Dung		Phó TGD Deputy General Director					01/12/2021			Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
7.	Lê Văn Thăng Le Van Thang		Phó Tổng GD Deputy General Director					01/12/2021			Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
8.	Nguyễn Quang Việt Nguyen Quang Viet		Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director					01/09/2022			Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
9.	Đào Văn Duy Dao Van Duy		Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director					01/01/2026		Bổ nhiệm theo nghị quyết số 97/2025/NQ- HĐQT ngày 18/12/2025 Appointed under Resolution No. 97/2025/NQ- HĐQT dated 18/12/2025	Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
10.	Lê Việt Hà Le Viet Ha		Trưởng Ban kiểm soát					14/12/2023			Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH ⁴ , ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
			Head of the Superviso -ry Board								<i>Internal person of the Company</i>
11.	Lê Anh Đức Le Anh Duc		Thành viên ban kiểm soát Member of the Superviso -ry Board					14/12/2023			Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
12.	Nguyễn Thị Ngọc Huyền Nguyen Thi Ngoc Huyen		Thành viên ban kiểm soát Member of the Superviso -ry Board					26/8/2025		Bổ nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ 02/2025/NQ- ĐHĐCĐ ngày 26/08/2025 Appointed under Resolution of the GMS No. 02/2025/NQ- ĐHĐCĐ dated 26/08/2025	Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
13.	Nguyễn Thị Hoàng Ngân Nguyễn Thị Hoàng Ngân		Kế toán trưởng Chief Account- tant					02/08/2021			Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
14.	Bùi Đăng Khoa Bùi Đăng Khoa		Giám đốc tài chính/ người được Ủy quyền công bố thông tin Chief Financial Office/ Authoriz- ed Informa- tion Disclo- sure Officer					18/04/2022 (*) Ông Bùi Đăng Khoa được Ủy quyền công bố thông tin từ ngày 15/09/2025 (*) Mr. Bui Dang Khoa was authorized to disclose information from 15/09/2025			Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>
15.	Lưu Tiến Mạnh Lưu Tiến Mạnh		Người phụ trách quản trị Công ty					15/01/2026		Nghị quyết bỏ nhiệm số 07/2026/NQ-	Người nội bộ của công ty/ <i>Internal person of the Company</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
16.	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX/ GELEX group., JSC ("GELEX")	072C000888 005C691133 0001209248 003C868686 C099888MI 091C199888 068C609212 105C978655 033C029068 008C008998 007C110668 006C333688 002C178630	Person in charge of Corporate Governance	0100100512	22/05/2026	Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Số 10 Trần Nguyễn Hân và số 27-29, phố Lý Thái Tò, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ No. 10 Tran Nguyen Han Street, No 27-29 Ly Thai To Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi, Vietnam			HDQT ngày 15/01/2026 Appointed under Resolution No. 07/2026/NQ- HDQT dated 15/01/2026	Công ty mẹ/ Parent company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
17.	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX <i>Electricity JSC.</i>	116C512512 003C210666 072C003888 068C608486 077C095678 021C547109 091C616888 105C001133 036C668888		0107547109	26/05/2026	Sở Tài chính TP Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trung, TP Hà Nội/ <i>No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>				Công ty cùng tập đoàn / <i>Affiliate</i>
18.	Công ty TNHH Đầu tư GELEX <i>GELEX Investment Co., Ltd.</i>			0111128855	16/07/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ <i>Phu Tho Provincial Department of Finance</i>	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam/ <i>8th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam</i>				Công ty cùng tập đoàn / <i>Affiliate</i>
19.	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch	021C228915		5400310164	14/08/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ <i>Phu Tho</i>	Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Tỉnh Phú Thọ,				Công ty con trực tiếp/ <i>Direct subsidiary</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	Sông Đà/ <i>Song Da Water Investment JSC.</i>					<i>Provincial Department of Finance</i>	<i>Việt Nam/ Viet Lai Hamlet, Thịnh Minh Commune, Phu Tho Province, Vietnam</i>				
20.	Công ty Cổ phần Dầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn <i>Long Son Petroleum Industrial Zone Investment JSC.</i>			3500811001	24/03/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh/ <i>3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67 Nguyen Thi Minh Khai bStreet, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City</i>				Công ty con trực tiếp/ <i>Direct subsidiary</i>
21.	Công ty Cổ phần Titan Hải Phòng/ <i>Titan Hai Phong JSC.</i>			0202280462	29/03/2025	Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ <i>Hai Phong City Department of Finance</i>	Số 01 Lô 3A - Khu Đô Thị Mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng/ <i>No. 01, Lot 3A -</i>	29/03/2025			Công ty con trực tiếp/ <i>Direct subsidiary</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt dầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
22.	Công ty TNHH FIH (Vietnam) <i>FIH (Vietnam) Co., Ltd.</i>			0319116584	20/08/2025	Sở Tài chính/ TP. Hồ Chí Minh/ <i>Hồ Chí Minh City Department of Finance</i>	Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh/ <i>No. 2 Ngo Duc Ke Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>	20/08/2025			Công ty liên kết <i>Associate</i>
23.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu vật liệu Kim Trang/ <i>Kim Trang Materials Import-Export JSC.</i>			0202260360	25/08/2025	Sở Tài chính/ TP. Hải Phòng/ <i>Hai Phong City Department of Finance</i>	Số 54 ngõ 333 đường Văn Cao, Phường Hải An, TP. Hải Phòng/ <i>No. 54, Lane 333, Van Cao Street, Hai An Ward, Hai Phong City</i>	25/08/2025			Công ty liên kết/ <i>Associate</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>	Số Giấy NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
24.	Công ty cổ phần bất động sản CityNest <i>CityNest real estate joint stock company</i>			Số 0202304804	Số Tài chính TP. Hải Phòng/ <i>Hai Phong City Department of Finance</i>	30/07/2025	Số 54 ngõ 333 đường Văn Cao, Phường Hải An, TP. Hải Phòng/ <i>No. 54, Lane 333, Van Cao Street, Hai An Ward, Hai Phong City</i>	Số 54 ngõ 333 đường Văn Cao, Phường Hải An, TP. Hải Phòng/ <i>No. 54, Lane 333, Van Cao Street, Hai An Ward, Hai Phong City</i>	15/05/2026		Nhận chuyển nhượng cổ phiếu/ <i>Share purchase</i>	Công ty liên kết/ <i>Associate</i>
25.	Công ty cổ phần bất động sản Landora <i>Landora real estate joint stock company</i>			Số 0202304522	Số Tài chính TP. Hải Phòng/ <i>Hai Phong City Department of Finance</i>	30/07/2025	Số 76 Lô 3E, Khu đô thị mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng, Việt Nam/ <i>No. 76 Lot 3E, Nga Nam Cat Bi Airport New Urban Area, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City, Vietnam</i>	Số 76 Lô 3E, Khu đô thị mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng, Việt Nam/ <i>No. 76 Lot 3E, Nga Nam Cat Bi Airport New Urban Area, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City, Vietnam</i>	15/05/2026		Nhận chuyển nhượng cổ phiếu/ <i>Share purchase</i>	Công ty liên kết/ <i>Associate</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
26.	Công ty TNHH Hạ Tầng GELEX Bắc Sài Gòn 1/ GELEX BAC SAI GON 1			0319426314	04/03/2026	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City <i>Department of Finance</i>	Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh 3rd Floor, Khang Thong Building, 67 Nguyen Thi Minh Khai St., Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.	04/03/2026		Thành lập công ty	Công ty liên kết/ <i>Associate</i>
27.	Công ty TNHH Đầu tư Hạ Tầng GELEX Bắc Sài Gòn 2/ GELEX BAC SAI GON 2			0319428287	06/03/2026	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City <i>Department of Finance</i>	Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh 3rd Floor, Khang Thong Building, 67 Nguyen Thi	06/03/2026		Thành lập công ty	Công ty liên kết/ <i>Associate</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	GELEX Development Limited Company					<i>Department of Finance</i>	Gò, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam. 8th Floor, CADIVI Tower, Số. 70-72 Nam Kỳ Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.				
30.	Tổng công ty Viglacera – CTCP ("VGC") / Viglacera Corporation – JSC.	058C386969		0100108173	07/10/2025	Số Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ 16 th & 17 th Floors, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi				Công ty con trực tiếp/ <i>Direct subsidiary</i>
31.	Công ty Cổ phần Kinh Đáp			2300100471	13/05/2024	Số KH&ĐT Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Department of</i>	Khu Cổ Mễ, Phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	Cầu Dap Cau Glass JSC.					Planning and Investment of Bac Ninh Province	Ninh, Việt Nam/ Co Me Area, Vu Ninh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam				
32.	Công ty TNHH MTV Lắp dựng Kính Viglacera/ Viglacera Glass Erection One Member Co., Ltd.			2300893252	28/11/2024	Sở KH&ĐT Tỉnh Bắc Ninh/ Department of Planning and Investment of Bac Ninh Province	Khu Cổ Mễ, Phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ Co Me Area, Vu Ninh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
33.	Công ty Cổ phần Viglacera Vân Hải/ Viglacera Van Hai JSC.			5700101154	20/02/2025	Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ninh/ Department of Planning and Investment of Quang Ninh Province	Thôn Sơn Hào, Đặc khu Vân Đồn, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam/ Son Hao Hamlet, Van Don Special Administrative Zone, Quang Ninh Province, Vietnam				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
34.	Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera/ <i>Viglacera Mineral JSC.</i>			5200284005	17/04/2022	Sở KH&ĐT Tỉnh Yên Bái/ <i>Department of Planning and Investment of Yen Bai Province</i>	Tổ dân phố Văn Quỳ, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai/ <i>Van Quy Residential Group, Van Phu Ward, Lao Cai Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
35.	Công ty Cổ phần Việt Trì Viglacera/ <i>Viglacera Viet Tri JSC.</i>			2600310134	10/10/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ <i>Phu Tho Provincial Department of Finance</i>	Phố Hồng Hà, Phường Thanh Miếu, Tỉnh Phú Thọ/ <i>Hong Ha Street, Thanh Mieu Ward, Phu Tho Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
36.	Công ty Cổ phần Sứ Viglacera Thanh Trì/ <i>Viglacera Thanh Tri Sanitary Ware JSC.</i>			0100107557	17/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Đường Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội/ <i>Nguyen Khoai Street, Vinh Hung Ward, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
37.	Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera/ <i>Viglacera Trading JSC.</i>			0102640785	09/01/2025	Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Tầng 1, Toà nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ <i>1st Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi, Vietnam</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
38.	Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long/ <i>Viglacera Thang Long JSC.</i>			2500224026	24/11/2025	Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ/ <i>Phu Tho Provincial Department of Finance</i>	Phường Phúc Yến, Tỉnh Phú Thọ/ <i>Phuc Yen Ward, Phu Tho Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
39.	Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn/ <i>Viglacera Tien Son JSC.</i>			2300317851	18/12/2025	Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Bac Ninh Provincial Department of Finance</i>	Khu công nghiệp Tiên Sơn, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Tien Son Industrial Park, Dai Dong</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
40.	Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội/ <i>Viglacera Hanoi JSC</i>			0100774247	19/08/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 15 Toà nhà Viglacera, số 1, đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội/ 15th Floor, <i>Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
41.	Công ty Cổ phần Bê tông khí Viglacera/ <i>Viglacera Aeration Concrete JSC.</i>			2300533002	08/10/2025	Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Bac Ninh Provincial Department of Finance</i>	Khu công nghiệp Yên Phong, Xã Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ <i>Yen Phong Industrial Park, Yen Phong Commune, Bac Ninh Province, Vietnam</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company
				Số Giấy NSH NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue					
42.	Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera/ Viglacera Ceramic Tiles Trading JSC.			0105908818	26/07/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Department of Finance Hanoi	Tầng 2 tòa nhà Viglacera, số 1 đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ 2nd Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi, Vietnam				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
43.	Công ty Cổ phần Bao bì và má phanh Viglacera/ Viglacera Packaging & Brake Linings JSC.			0100106948	06/04/2022	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City	Số 676 Hoàng Hoa Thám, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ No. 676 Hoang Hoa Tham Street, Tay Ho Ward, Hanoi, Vietnam				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
44.	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long/			5700101147	13/08/2025	Sở Tài chính Tỉnh Quảng Ninh/ Quang Ninh Provincial	Khu phố Hà Khẩu 2, đường An Tiêm, Phường Việt				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
	<i>Viglacera Ha Long JSC.</i>					<i>Department of Finance</i>	Hung, Tỉnh Quảng Ninh/ <i>Ha Khai 2 Residential Quarter, An Tiem Street, Viet Hung Ward, Quang Ninh Province</i>				
45.	Công ty Cổ phần Từ Liêm/ <i>Tu Liem JSC.</i>			0101405475	13/05/2021	Sở KH&ĐT TP Hà Nội/ <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Số 489, Km8, QL 21B, Xã Bình Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ <i>No. 489, Km8, National Highway 21B, Bình Minh Commune, Hanoi, Vietnam</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
46.	Công ty Cổ phần 382 Đông Anh/ 382 <i>Dong Anh JSC.</i>			0101412313	28/04/2021	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Tổ 35, Xã Đông Anh, TP Hà Nội/ <i>Group 35, Dong Anh Commune, Hanoi</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company
				Số Giấy NSH NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue					
47.	Công ty Cổ phần gốm xây dựng Hữu Hưng/ <i>Huu Hung Ceramic Construction JSC.</i>			0100107243	28/12/2024	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City	Đường Chùa Tòng, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội/ Chua Tong Street, An Khanh Commune, Hanoi				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
48.	Công ty TNHH MTV Thương mại Viglacera Hà Long/ <i>Viglacera Ha Long Trading One Member Co., Ltd.</i>			5701704733	28/04/2014	Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ninh/ Department of Planning and Investment of Quang Ninh Province	Khu 2 đường An Tiêm, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh/ Zone 2, An Tiem Street, Viet Hung Ward, Quang Ninh Province				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
49.	Công ty Cổ phần Gạch Clinker Viglacera/ <i>Viglacera Brick Clinker JSC.</i>			5701409576	25/06/2010	Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ninh/ Department of Planning and Investment of Quang Ninh Province	Cụm Công nghiệp Kim Sen, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh/ Kim Sen Industrial Cluster, Mao Khe Ward.				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company
				Số Giấy NSH NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue					
50.	Công ty Cổ phần Tư vấn Viglacera/ Viglacera Consulting JSC.			0100106722	22/08/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Department of Finance Hanoi	Số 57, phố Vĩnh Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội/ No. 57, Vĩnh Phúc Street, Ngọc Hà Ward, Hanoi				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
51.	Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Viglacera Yên Mỹ/ Viglacera Yen My Industrial Park Development JSC. – Hưng Yên			09000905414	10/07/2025	Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên/ Hung Yen Provincial Department of Finance	ĐH CN4 Khu công nghiệp Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên/ ĐH CN4, Yên Mỹ Industrial Park, Commune, Hung Yen Province				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
52.	Công ty TNHH CHAO – Viglacera/ CHAO – Viglacera Co., Ltd.			0107833205	08/05/2017	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City	Tầng 8, tòa nhà Viglacera, số 1 Đại Lộ Thăng Long, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà		28/02/2025	Không còn là Công ty con gián tiếp do đã sáp nhập vào Tổng Công ty Viglacera-	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
							Nội/ 8th Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi			CTCP/ No longer an indirect subsidiary due to its merger into Viglacera Corporation – JSC.	
53.	Công ty ViMariel – CTCP/ ViMariel Company – JSC.			201800507	18/03/2020	Bộ KH&ĐT/ Ministry of Planning and Investment	Khu A10 Đặc Khu phát triển Mariel, Cuba/ Zone A10, Mariel Special Development Zone, Cuba				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
54.	Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ/ Phú Mỹ Ultra Clear Float Glass Co., Ltd.			3502329629	25/07/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	Lô B2, đường D3 Khu Công nghiệp Phú Mỹ II mở rộng, Phường Tân Phước, TP. Hồ Chí Minh/ Lot B2, D3 Street, Phu My II Expanded Industrial Park, Tan Phuoc				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
55.	Công ty Cổ phần Viglacera Can Lộc/ <i>Viglacera Can Loc -JSC.</i>			282031000019	06/10/2010	BQL Khu kinh tế Vũng Áng/ <i>Vung Ang Economic Zone Management Board</i>	Lô CN15, khu CN Hạ Vàng, Huyện Can Lộc, Hà Tĩnh/ <i>Lot CN15, Ha Vang Industrial Park, Can Loc District, Ha Tinh Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i> Đang làm thủ tục đóng Công ty sau tái cơ cấu/ <i>Currently carrying out procedures for company dissolution following restructuring</i>
56.	Công ty TNHH Thi công Hạ tầng Viglacera Yên Mỹ/ <i>Viglacera Yen My Infrastructure Construction Co., Ltd.</i>			0901076445	08/04/2023	Sở KH&ĐT Tỉnh Hưng Yên/ <i>Department of Planning and Investment of Hung Yen Province</i>	ĐH-CN4 KCN Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên/ <i>DH CN4, Yen My Industrial Park, Yen My Commune, Hung Yen Province</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/ individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company
				Số Giấy NSH NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue					
57.	Công ty Cổ phần Viglacera Thái Nguyên/ Viglacera Thai Nguyen JSC.			4601598818	25/12/2025	Sở Tài chính Tỉnh Thái Nguyên/ Thai Nguyen Provincial Department of Finance	Nhà điều hành Khu công nghiệp Sóng Công II giai đoạn 2, Phường Bá Xuyên, Tỉnh Thái Nguyên/ Song Cong II Industrial Park Phase 2 Operations Building, Ba Xuyen Ward, Thai, Thai Nguyen Province				Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary
58.	Công ty Cổ phần Viglacera Hưng Yên/ Viglacera Hung Yen JSC			0901129785	17/11/2025	Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên/ Hung Yen Provincial Department of Finance	ĐH KCN Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên/ Yen My Industrial, Yen My Commune, Hung Yen Province	10/06/2025		Trở thành công ty con gián tiếp do Tổng Công ty Viglacera- CTCP hoàn tất góp vốn vào CTCP Viglacera Hưng Yên/ Became an indirect subsidiary as Viglacera Corporation -	Công ty con gián tiếp/ Indirect subsidiary

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoản(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
59.	Công ty TNHH Kính nội Việt Nam/ <i>Vietnam Float Glass Co., Ltd.</i>			2300103345	19/06/2025	Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Bac Ninh Provincial Department of Finance</i>	Khu công nghiệp Quế Võ (Khu mở rộng), Phường Phương Liễu, Tỉnh Bắc Ninh/ <i>Que Vo Industrial Park (Expansion Area), Phuong Lieu Ward, Bac Ninh Province</i>	05/06/2025		Trở thành công ty con gián tiếp do Tổng Công ty Viglacera - CTCP mua thêm phần vốn góp nâng tỷ lệ sở hữu lên 100% <i>Became an indirect subsidiary as Viglacera Corporation - JSC. acquired additional capital contribution to increase the ownership ratio to 100%</i>	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
60.	Công ty cổ phần Đầu tư Vihoco Tiên Dương/ <i>Vihoco Tien Duong Investment JSC.</i>			0111154703	26/07/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 14, tòa nhà Viglacera, số 1 đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, Hà Nội/ <i>14th Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi</i>	26/07/2025		VGC góp 55% vốn thành lập	Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
61.	Công ty cổ phần Đầu tư và xuất nhập khẩu Viglacera/ <i>Viglacera Investment and Import-Export JSC.</i>			0101893367	24/09/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Số 2 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội/ <i>No. 2 Hoang Quoc Viet Street, Nghia Do Ward, Hanoi City</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
62.	Công ty cổ phần Viglacera Phủ Thọ/ <i>Viglacera Phu Tho JSC.</i>			2601132364	24/07/2025	Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ <i>Phu Tho Provincial Department of Finance</i>	Trung tâm điều hành KCN Phú Hà, phường Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ/ <i>Phu Ha Industrial Park Operations</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
63.	Công ty TNHH MTV Thiết bị vệ sinh Viglacera/ <i>Viglacera Sanitary Ware One Member Co., Ltd.</i>			0111244883	08/10/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 1, Toà nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ <i>1st Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi, Vietnam</i>				Công ty con gián tiếp/ <i>Indirect subsidiary</i>
64.	Công ty TNHH Đầu tư GELEX/ <i>GELEX Investment Co., Ltd.</i>			0111128855	16/07/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam/ <i>8th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam</i>	16/07/2025			Cùng tập đoàn/ <i>Affiliate</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
65.	Công ty TN/HH Titan Corporation Titan Corporation Ltd.			317503404	20/12/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội/ by Hanoi Department for Planning and Investment	Phòng 7-01 (A), Tầng 7, Tòa Nhà Văn Phòng Trung Tâm Hà Nội, 44B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, TP Hà Nội/ Room 7-01 (A), 7th Floor, Hanoi Central Office Building, 44B Ly Thuong Kiet, Cua Nam Ward, Hanoi City		Công ty nhận chuyển nhượng 49% sở hữu từ GELEX	Công ty liên kết. Người có liên quan của TV HDQT Associate, related party of Members of Board of Directors	
66.	Công ty cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội Tay Ha Noi Clean Water Joint Stock Company			0106913627	08/10/2025	Phòng ĐKKD và TCDN – Sở Tài chính thành phố Hà Nội Business Registration and Corporate Finance Division – Hanoi	Thôn Trại Chiêu, Xã Sơn Đồng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ Trại Chiêu Hamlet, Sơn Đồng Commune, Hanoi, Vietnam				Công ty liên kết Associate

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
67.	Công ty cổ phần Hạ tầng Hàng không Masterise			2401062141	13/02/2026	Phòng ĐKKD và TCDN – Sở Tài chính thành phố Hà Nội Business Registration and Corporate Finance Division – Hanoi Department of Finance	Số 289, 291, 293, 295, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bắc Giang, Bắc Ninh/ 289, 291, 293, 295 Nguyễn Thị Minh Khai Street, Bac Giang Ward, Bac Ninh City, Vietnam	13/02/2026		Góp 20% vốn điều lệ công ty/ Contribute 20% charter capital	Công ty liên kết Associate

PHỤ LỤC 2.

APPENDIX 2.

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN,
NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS, OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR
SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relations hip with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
			Số Giấy NSH NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue					
1.	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX ("GELEX") GELEX group- JSC ("GELEX")	Công ty mẹ Parent company	010010 0512	22/05/2026	Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ Department of Finance	Số 10 Trần Nguyên Hân và số 27-29, phố Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ No. 10 Tran Nguyen Han Street, No 27-29 Ly Thai To Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi, Vietnam	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	No/ số: 13/2026/HQ- HĐQT Ngày/date: 19/01/2026	Mua hàng hóa và dịch vụ Purchase of goods and services Đi vay Borrowings Trả tiền vay Loan repayments Lãi đi vay Interest expense on borrowings Cầm cố/thế chấp cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX/ GELEX Infrastructure pledged/mortgaged shares to secure	1.404.008.214 4.476.000.000.000 1.927.000.000.000 129.236.610.963 Số dư tại 30/06/2026/ Balance as of 30/06/2026: 120.500.000 VGC

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relations hip with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
			Số Giấy NSH NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue				GELEX's obligations GELEX thế chấp bất động sản để đảm bảo cho nghĩa vụ của Hạ tầng GELEX/ GELEX mortgages real estate to secure GELEX Infrastructure's obligations GELEX bảo lãnh cho khoản vay của Hạ tầng GELEX/ GELEX guarantees GELEX Infrastructure's loans Số dư tại 30/06/2026/ Balance as of 30/06/2026: 8.172.204.494.622 Số dư tại 30/06/2026/ Balance as of 30/06/2026: 168.125.000 cổ phần GELEX ELECTRIC/ 168.125.000 shares of GELEX ELECTRIC	Tòa nhà GELEX Tower 52 Lê Đại Hành/ GELEX Tower, No. 52 Le Dai Hanh

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/ individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relations hip with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT ... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
			Số Giấy NSH NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue				GELEX 45.000.000 cổ phần GELEX Electric bảo đảm chung cho nghĩa vụ của Hạ tầng GELEX và GELEX Electric/ 45.000.000 shares of GELEX Electric serve as a joint security for the obligations of both GELEX Infrastructure and GELEX Electric GELEX bảo lãnh cho nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán cổ phần của Hạ tầng GELEX/ GELEX guarantees obligations under GELEX Infrastructure's share purchase agreements Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính theo Hợp đồng mua bán cổ phần giữa Hạ tầng và Bên nhận chuyển nhượng cổ phần/ Guarantee of financial obligations under the share purchase agreement between GELEX Infrastructure and the transferee party	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relations hip with the Company</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. date of issue, place of issue</i>			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transac- tions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú No- te
			Số Giấy NSH <i>NSH No.</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>					
2.	Công ty TNHH Vật liệu GELEX / Gelex material limited compant	Cung cấp đoàn/ <i>Affiliate</i>	010791 9237	12/07/201 7	Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trung, Hà Nội/ No. 52 <i>Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi</i>	6 tháng năm 2026) / 6 <i>months of Year 2026</i>	15/2026/NQ-HĐQT Ngày/date: 19/01/2026	Đi vay <i>Borrowings</i> Lãi đi vay <i>Interest expense on borrowings</i>	465.000.000.000 12.306.575.343
3.	Công ty TNHH FIH (Vietnam) <i>FIH (Vietnam) Co., Ltd</i>	Công ty liên kết/ <i>Associate</i>	031911 6584	20/08/202 5	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City <i>Department of Finance</i>	Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh/ No. 2 <i>Ngõ Duc Ke Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>	6 tháng năm 2026) / 6 <i>months of Year 2026</i>	Nô/Số 05/2026/NQ- HĐQT Ngày/date: 15/01/2026 Nô/Số 25/2026/NQ- HĐQT Ngày/date: 06/02/2026 Nô/Số 52/2026/NQ- HĐQT Ngày/date: 25/03/2026 Nô/Số 68/2026/NQ- HĐQT Ngày/date: 11/05/2026	Góp vốn/ Capital contribution: 4.574.860.000.000	
4.	Công ty TNHH Titan Corporation/ <i>Titan Corporation/</i>	Công ty liên kết/ <i>Associate</i>	031750 3404	04/10/202 2	Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ <i>Hanoi</i>	Phòng 7-01 (A), Tầng 7, Tòa Nhà Văn Phòng Trung Tâm Hà Nội, 44B <i>Lý Thường Kiệt,</i>	6 tháng năm 2026) / 6 <i>months of Year 2026</i>	Nô/Số 21/2026/NQ- HĐQT Ngày/date: 29/01/2026	Góp vốn/ Capital contribution: 31.752.000.000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/ individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relations hip with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transac- tions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú No- te
			Số Giấy NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue					
	Titan corporation limited company				Department of Finance	phường Cửa Nam, TP Hà Nội/ Room 7-01 (A), 7th Floor, Hanoi Central Office Building, 44B Ly Thuong	months of Year 2026			
5.	Công ty cổ phần Viglacera Thái Nguyên Viglacera Thai Nguyen JSC	Công ty con gián tiếp / Indirect Subsidiary	460159 8818	25/12/202 5	Sở Tài chính Tỉnh Thái Nguyên/ Thai Nguyen Provincial Department of Finance	Nhà điều hành Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, Phường Bá Xuyên, Tỉnh Thái Nguyên/ Song Cong II Industrial Park Phase 2 Operations Building, Ba Xuyen Ward, Thai, Thai Nguyen Province	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026		Nhận cổ tức/ Dividend income: 16.920.000.000	
6.	Công ty TNHH Hạ Tầng GELEX Tây Thành Phố/ GELEX WEST CITY JSC	Công ty liên kết/ Associate	031944 7177	16/03/202 6	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	Lầu 3, tòa nhà Khang Thống, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh 3rd Floor, Khang Thong Building, 67 Nguyen Thị Minh Khai St., Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	No/Số 47/2026/NQ- HĐQT Ngày/date: 11/03/2026	Góp vốn/ Capital contribution: 4.900.000.000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relations with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Chú chú Note
			Số Giấy NSH NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue					
7.	Công ty TNHH Đầu tư Hạ Tầng GELEX Sài Gòn 2/ GELEX BAC SAI GON 2	Công ty liên kết/ Associate	031942 8287	06/03/2026	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh 3rd Floor, Khang Thong Building, 67 Nguyen Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	No/Số 39/2026/NQ-HĐQT Ngày/date: 24/02/2026	Góp vốn/ Capital contribution: 4.900.000.000	
8.	Công ty TNHH Hạ Tầng GELEX Bắc Sài Gòn 1/ GELEX BAC SAI GON 1	Công ty liên kết/ Associate	031942 6314	04/03/2026	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh 3rd Floor, Khang Thong Building, 67 Nguyen Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	No/Số 39/2026/NQ-HĐQT Ngày/date: 24/02/2026	Góp vốn/ Capital contribution: 3.900.000.000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relations with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HDQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
			Số Giấy NSH NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue					
9.	Công ty cổ phần bất động sản CityNest/ CityNest Real Estate JSC	Công ty liên kết/ Associate	020230 4804	30/07/2025	Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ Hai Phong City Department of Finance	Số 54 ngõ 333 đường Văn Cao, Phường Hải An, TP. Hải Phòng/ No. 54, Lane 333, Van Cao Street, Hai An Ward, Hai Phong City	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	No/Số 24/2026/NQ-HDQT Ngày/date: 06/02/2026	Mua cổ phần/ Share purchase: 1.724.532.000.000	
10.	Công ty cổ phần bất động sản Landora/ Landora Real Estate JSC	Công ty liên kết/ Associate	020230 4522	30/07/2025	Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ Hai Phong City Department of Finance	Số 76 Lô 3E, Khu đô thị mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng, Việt Nam/ No. 76 Lot 3E, Nga Nam Cat Bi Airport New Urban Area, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City, Vietnam	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	No/Số 24/2026/NQ-HDQT Ngày/date: 06/02/2026	Mua cổ phần/ Share purchase: 734.810.000.000	
11.	Công ty cổ phần Điện lực GELEX/ GELEX Electricity JSC	Cùng tập đoàn/ Affiliate	010754 7109	22/05/2025	Sở Tài chính TP Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	No/ số: 15/2026/NQ-HDQT Ngày/date: 19/01/2026	Đi vay Borrowings 200.000.000.000 Trả tiền vay/ Principal payment 700.000.000.000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relations hip with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
			Số Giấy NSH NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue				Lãi đi vay Interest expense on borrowings	
									GELEX bảo đảm và GELEX cùng GELEX Hà tăng cầm cố cổ phần thuộc sở hữu của mình cho khoản vay dài hạn của GEE/ GELEX guarantees and GELEX and GELEX Infrastructure pledge their shares for GEE's long-term loan	9.737.260.275 Number of pledged shares as at 31/12/2025 45.000.000 GEE & 30.000.000 VGC
12.	Công ty TNHH Đầu tư GELEX GELEX Investment Co., Ltd.	Công ty cùng tập đoàn/ Affiliate	0111128855	16/07/2025	Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam/ 8th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Nội số: 15/2026/NQ-HĐQT Ngày/date: 19/01/2026	Đi vay Borrowings Trả tiền lãi vay/ Interest expense payment	1.695.000.000.000 38.309.178.083

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relations hip with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
			Số Giấy NSH NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue					
13.	Công ty cổ phần Titan Hải Phòng Titan Hai Phong JSC.	Công ty con / Subsidiary	020228 0462	29/03/2025	Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ Hải Phòng City Department of Finance	Số 01 Lô 3A - Khu Đô Thị Mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng/ No. 01, Lot 3A - Cat Bi Airport Five-way Intersection New Urban Area, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City	6 tháng năm 2026 / 6 months of Year 2026	Số/No.: 19/2026/NQ-HĐQT Ngày/date: 26/01/2026	Góp vốn Capital contribution 900.018.000.000	
14.	Công ty cổ phần Dầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn Long Son Petroleum Industrial Zone Investment JSC.	Công ty con / Subsidiary	350081 1001	24/03/2025	Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Hồ Chí Minh City Department of Finance	Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh/ 3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City	6 tháng năm 2026 / 6 months of Year 2026	No/ số: 15/2026/NQ-HĐQT Ngày/date: 19/01/2026	Hạ Tầng GELEX thuê văn phòng với giá thuê là 10.500.000 VND/tháng GELEX Infrastructure rents an office at VND 10,500,000/month	
15.	Công ty cổ phần hạ tầng hàng không Masterise/	Công ty liên kết/ Associate	240106 2141	13/02/2026	Sở Tài chính TP. Bắc Ninh/ Bắc Ninh/ Bac	Số 289, 291, 293, 295, đường Nguyễn Thị	6 tháng năm 2026 / 6	No/Số 72/2026/NQ-HĐQT	Mua cổ phần/ Share purchase: 8.062.500.000.000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relations hip with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
			Số Giấy NSH NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue					
	Masterise Aviation Infrastructure JSC				Ninh Department of Finance	Minh Khai, Phường Bắc Giang, Bắc Ninh/ 289, 291, 293, 295 Nguyen Thi Minh Khai Street, Bac Giang Ward, Bac Ninh City, Vietnam	months of Year 2026	Ngày/date: 18/05/2026		
16.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu vật liệu Kim Trang ("Kim Trang") Kim Trang Materials Import-Export JSC.		0202260360	25/08/2025	Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ Hai Phong City Department of Finance	Số 54 ngõ 333 đường Văn Cao, Phường Hai An, TP. Hải Phòng/ No. 54, Lane 333, Van Cao Street, Hai An Ward, Hai Phong City		No/Số 83/2026/NQ-HĐQT Ngày/date: 25/06/2026	Cầm cố/thế chấp cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của Kim Trang/ GELEX Infrastructure pledged/mortgaged shares to secure Kim Trang's obligations	Số dư tại 30/06/2026/ Balance as of 30/06/2026: 5.080.500 cổ phần Kim Trang

PHỤ LỤC 3.
APPENDIX 3

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY
DO CÔNG TY NÀM QUYỀN KIỂM SOÁT
TRANSACTION BETWEEN INTERNAL PERSONS OF THE COMPANY, AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSONS AND
THE COMPANY'S SUBSIDIARIES IN WHICH THE COMPANY TAKES CONTROLLING POWER

Stt No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal persons	Chức vụ tại CTNY Position at the listed Company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No. /Passport No., date of issue, place of Issue	Địa chỉ Address	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát Name of subsidiaries or companies which the Company control	Thời điểm giao dịch Time of transaction	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
1.	CTCP nước sạch Tây Hà Nội/ Western Ha Noi Water JSC.	Tổ chức có liên quan tới Kế toán trưởng/ Organization related to the Chief accountant			Thôn Trại Chiếu, xã Sơn Đồng, TP. Hà Nội/ Trại Chiếu Hamlet, Son Dong Commune, Hanoi	Công ty Cổ phần Nước sạch Sông Đà/ Song Da Water Investment JSC.	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Mua hàng hóa và dịch vụ/ Purchase of goods and services 36.561.057.500	

2.	Công ty TNHH Đầu tư GELEX GELEX Investment Co., Ltd.	Tổ chức có liên quan tới Chủ HĐQT/ Organization related to the Chairman			Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam/ 8th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam	Công ty Cổ phần Titan Hải Phòng JSC.	6 tháng năm 2026) / 6 months of Year 2026	Cho vay/ Lending Thu hồi gốc cho vay/ collection of loan principal Lãi cho vay/ Interest earned by lending	900,000,000,000 900,000,000,000 18,579,452,055
----	---	--	--	--	--	--------------------------------------	---	--	--

PHỤ LỤC 4.
APPENDIX 4

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC ĐÃ VÀ ĐANG LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH TRONG THỜI GIAN BA (03) NĂM TRƯỚC LẠI ĐÂY (TÍNH TẠI THỜI ĐIỂM LẬP BÁO CÁO)

TRANSACTION BETWEEN THE COMPANY AND THE COMPANY THAT ITS MEMBERS OF EXECUTIVE BOARD, THE SUPERVISORY BOARD, DIRECTOR (GENERAL DIRECTOR) HAVE BEEN FOUNDING MEMBERS OR MEMBERS OF BOARD OF DIRECTORS, OR CEOS IN THREE (03) LASTEST YEARS (CALCULATED AT THE TIME OF REPORTING)

STT No.	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Nội dung giao dịch Transaction Details
1.	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX ("GELEX Electric") GELEX Electricity JSC. ("GELEX Electric")	Công ty cùng tập đoàn – Tổ chức có liên quan tới Thành viên Ban kiểm soát Affiliated company within the same group – an organization related to a Member of the Supervisory Board	GELEX ELECTRIC cho vay Hạ tầng GELEX/ GELEX lends to GELEX Infrastructure Hạ tầng GELEX cầm cố, thế chấp cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX Electric/ GELEX Infrastructure pledges, mortgages shares to secure GELEX Electric's obligations
2.	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX ("GELEX") GELEX Group Joint Stock Company ("GELEX")	Công ty mẹ – Tổ chức có liên quan tới các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc tài chính The parent company – an organization related to members of the Board of Directors, members of the Executive Board, and the Chief Financial Officer.	GELEX cung cấp dịch vụ, cho vay Hạ tầng GELEX/ GELEX provides services, lends to GELEX Infrastructure Hạ tầng GELEX cầm cố, thế chấp cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX/ GELEX Infrastructure pledges, mortgages shares to secure GELEX's obligations

STT No.	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Nội dung giao dịch Transaction Details
			<i>mortgages shares to secure GELEX's obligations</i> GELEX bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX guarantees, pledges and mortgages assets to secure GELEX Infrastructure's obligations</i>
3.	Công ty TNHH Đầu tư GELEX ("GELEX Invest") <i>GELEX Investment Co., Ltd.</i>	Công ty cùng tập đoàn – Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT <i>Affiliated company within the same group – an organization related the chairman</i>	GELEX Invest cung cấp dịch vụ, cho vay Hạ tầng GELEX/ <i>GELEX Invest provides services, lends to GELEX Infrastructure</i>
4.	Công ty TNHH FIH (Vietnam) <i>FIH (Vietnam) Co., Ltd</i>	Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT <i>An organization related the chairman</i>	Hạ Tầng GELEX góp vốn vào Công ty TNHH FIH <i>GELEX Infrastructure contributes capital to FIH Co., Ltd</i>
5.	Công ty TNHH Titan Corporation/ <i>Titan corporation limited company</i>	Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT <i>An organization related the chairman</i>	Hạ Tầng GELEX góp vốn <i>GELEX Infrastructure contributes capital</i>
6.	Công ty TNHH Hạ Tầng GELEX Tây Thành Phố <i>GELEX WEST CITY JSC</i>	Tổ chức có liên quan tới Phó TGĐ <i>An organization related the Deputy General Director</i>	Hạ Tầng GELEX góp vốn <i>GELEX Infrastructure contributes capital</i>
7.	Công ty TNHH Đầu tư Hạ Tầng GELEX Bắc Sài Gòn 2 <i>GELEX BAC SAI GON 2</i>	Tổ chức có liên quan tới Phó TGĐ <i>An organization related the Deputy General Director</i>	Hạ Tầng GELEX góp vốn <i>GELEX Infrastructure contributes capital</i>
8.	Công ty TNHH Hạ Tầng GELEX Bắc Sài Gòn 1 <i>GELEX BAC SAI GON 1</i>	Tổ chức có liên quan tới Phó TGĐ	Hạ Tầng GELEX góp vốn

STT No.	Tên đơn vị Name of the Company	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Nội dung giao dịch Transaction Details	
			GELEX capital	Infrastructure contributes
9.	Công ty TNHH Đầu tư GELEX GELEX Investment Co., Ltd.	Tổ chức có liên quan tới Chủ tịch HĐQT và Giám đốc tài chính An organization related the Chairman, Chief Financial Officer	Công ty TNHH Đầu tư GELEX cho vay Hạ tầng GELEX/ GELEX Investment Co., Ltd provides services, lends to GELEX Infrastructure	
10.	Công ty cổ phần Titan Hải Phòng Titan Hai Phong JSC.	Tổ chức có liên quan tới Phó TGD An organization related the Deputy General Director	Hạ Tầng GELEX góp vốn GELEX Infrastructure capital	contributes
11.	Công ty cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn Long Son Petroleum Industrial Zone Investment JSC.	Tổ chức có liên quan tới TGD An organization related the General Director	Hạ Tầng GELEX thuê văn phòng GELEX Infrastructure rents an office	
12.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu vật liệu Kim Trang ("Kim Trang")/ Kim Trang Materials Import-Export JSC.	Tổ chức có liên quan tới Phó TGD An organization related the Deputy General Director	Hạ tầng GELEX cầm cố, thế chấp cổ phiếu để đảm bảo cho nghĩa vụ của Kim Trang/ GELEX Infrastructure pledges, mortgages shares to secure Kim Trang's obligations	

(*) Trường hợp bên giao dịch với Công ty cổ phần Hạ Tầng GELEX thuộc cả trường hợp phải kê khai theo Phụ lục 2 và Phụ lục 4 của Báo cáo này, thì sẽ được kê khai tại Phụ lục 2 và/hoặc Phụ lục 4 này.

(*) In cases where a counterparty transacting with GELEX Infrastructure Joint Stock Company falls under both categories required to be disclosed in Appendix 2 and Appendix 4 of this Report, such counterparty shall be disclosed in Appendix 2 and/or Appendix 4, as applicable

PHỤ LỤC 5.
APPENDIX 5
DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Lê Tuấn Anh <i>Le Tuan Anh</i>		Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>			0	0	
1.1.	Đỗ Ngọc Hà Trang <i>Do Ngoc Ha Trang</i>					0	0	Vợ <i>Wife</i>
1.2.	Lê Mạnh Quân <i>Le Manh Quan</i>					0	0	Con đẻ <i>Son</i>
1.3	Lê Đình Thương <i>Le Dinh Thuong</i>					0	0	Bố đẻ <i>Father</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
1.4	Nguyễn Thị Tâm <i>Nguyen Thi Tam</i>					0	0	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
1.5	Đỗ Đức Hiếu <i>Do Duc Hieu</i>					0	0	Bố vợ <i>Father-in-law</i>
1.6	Nguyễn Thị Ngọc <i>Nguyen Thi Ngoc</i>					0	0	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
1.7	Lê Minh Đông <i>Le Minh Dong</i>					0	0	Em trai <i>Younger brother</i>
1.8	Lê Minh Kiên <i>Le Minh Kien</i>					0	0	Em trai <i>Younger brother</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
1.9	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX GELEX Group Joint Stock Company	072C000888 005C691133 0001209248 003C868686 C099888M1 091C199888 068C609212 105C978655 033C029068 008C008998 007C110668 006C333688 002C178630 116C512512		Số ĐKKD: 0100100512 Business Registration Number: 0100100512 Ngày cấp: 22/05/2026 Date of issue: 22/05/2026 Nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Số 10 Trần Nguyễn Hân và số 27-29, phố Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ No. 10 Tran Nguyen Han Street, No 27-29 Ly Thai To Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi, Vietnam	624.900.000	70,21	Là Tổng Giám đốc Công ty Director General
1.10	Công ty TNHH Titan Corporation Titan Corporation Co., Ltd.			Số ĐKKD: 317503404 Business Registration Number: 317503404 Ngày cấp: 20/12/2024 Date of issue: 20/12/2024	Phòng 7-01 (A), Tầng 7, Tòa Nhà Văn Phòng Trung Tâm Hà Nội, 44B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, TP Hà Nội/ Room 7-01 (A), 7th Floor, Hanoi Central Office Building, 44B Ly Thuong	0	0	Là Thành viên HĐQT công ty Member of the BOD

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
				Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội/ by Hanoi Department of Planning and Investment	Kiet, Cua Nam Ward, Hanoi City			
1.11	Công ty TNHH Đầu tư GELEX GELEX Investment Co., Ltd.			Số ĐKKD: 0111128855 Business Registration Number: 0111128855 Ngày cấp: 16/07/2025 Date of issue: 16/07/2025 Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trung, TP Hà Nội, Việt Nam/ 8th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam	0	0	Là Chủ tịch HĐTV Công ty Chairman of the Members' Council
1.12	Công ty TNHH SAS- CTAMAD SAS-CTAMAD Co., Ltd			Số ĐKKD: 0100112324 Business Registration Number: 0100112324 Ngày cấp: 26/02/2020	Số 44B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Hà Nội/ 44B Ly Thuong Kiet street, Cua Nam Ward, Hanoi	0	0	Ông Lê Tuấn Anh là thành viên HĐTV Công ty TNHH S.A.S- CTAMAD/ Mr. Le Tuan Anh is a member of the

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
				<i>Date of issue:</i> 26/02/2020 Nơi cấp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ministry of Planning and Investment				<i>Members' Council of S.A.S.- CTAMAD Co., Ltd.</i>
1.13	Công ty TNHH Felicitas <i>Felicitas Co., Ltd.</i>			Số ĐKKD: 0111192360 <i>Business Registration Number: 0111192360</i> Ngày cấp: 25/08/2025 <i>Date of issue:</i> 25/08/2025 Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hà Nội <i>Place of issue: Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 23, tòa nhà gelex, số 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội 23rd Floor, GELEX Building, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trưng Ward, Hanoi City	0	0	Chủ tịch công ty <i>Chairman</i>
1.14	Công ty TNHH Phát triển GELEX			Số ĐKKD: 0319587551	Tầng 8, Tòa nhà CADIVI, Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài	0	0	Chủ tịch công ty <i>Chairman</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
	GELEX Development Limited Company			Business Registration Number: 0319587551 Ngày cấp: 08/06/2026 Date of issue: 08/06/2026 Nơi cấp: Sở Tài chính TP Hồ Chí Minh Place of issue: Ho Chi Minh Department of Finance	Gòn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam. 8th Floor, CADIVI Tower, No. 70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.			
1.15	Công ty TNHH FIH (Vietnam) FIH (Vietnam) Co., Ltd			Số ĐKKD: 0319116584 Business Registration Number: 0319116584 Ngày cấp: 20/08/2025 Date of issue: 20/08/2025 Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho	Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh/ No. 2 Ngo Duc Ke Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City	0	0	Ông Lê Tuấn Anh là hội đồng thành viên kể từ ngày 19/06/2026 Mr. Le Tuan Anh has served as a Member of the Members' Council since June 19, 2026.

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
				Chi Minh City <i>Department of Finance</i>				
2	Lương Thanh Tùng <i>Luong Thanh Tung</i>		Phó Chủ tịch HĐQT/ kiểm Tổng Giám đốc <i>Vice Chairman of the Board of Directors / cum General Director</i>			5.675	0,00064	
2.1	Hoàng Thị Nhung <i>Hoang Thi Nhung</i>					0	0	Vợ <i>Wife</i>
2.2	Lương Huyền Trang <i>Luong Huyen Trang</i>					0	0	Con gái <i>Daughter</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
2.3	Lương Hoàng Minh <i>Luong Hoang Minh</i>					0	0	Con trai <i>Son</i>
2.4	Lương Hoàng Diệp Linh <i>Luong Hoang Diep Linh</i>					0	0	Con gái <i>Daughter</i>
2.5	Lương Tuấn Kiểm <i>Luong Tuan Kiem</i>					0	0	Bố đẻ <i>Father</i>
2.6	Diệp Thị Mão <i>Diep Thi Mao</i>					0	0	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
2.7	Lương Hồng Nhung <i>Luong Hong Nhung</i>					0	0	Em gái <i>Younger sister</i>
2.8	Nguyễn Quang Phú					0	0	Em rể

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
	Nguyễn Quang Phú							Brother-in-law
2.9	Nguyễn Thị Thơm Nguyễn Thị Thơm					0	0	Mẹ vợ Mother-in-law
2.10	Công ty Cổ phần Dầu tư KCN Dầu khí Long Sơn Long Son Petroleum Industrial Zone Investment JSC.			Số ĐKKD: 3500811001 Business Registration Number: 3500811001 Ngày cấp: 24/03/2025 Date of issue: 24/03/2025 Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chi Minh/ 3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City	0	0	Là Chủ tịch HĐQT Công ty Deputy Chairman of the BOD
2.11	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX GELEX group., JSC	072C000888 005C691133 0001209248 003C868686 C099888M1		Số ĐKKD: 0100100512 Business Registration Number: 0100100512	Số 10 Trần Nguyễn Hân và số 27-29, phố Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố	624.900.000	70,21	Là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
		091C199888 068C609212 105C978655 033C029068 008C008998 007C110668 006C333688 002C178630 116C512512		Ngày cấp: 22/05/2026 Date of 22/05/2026 issue: Nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Hà Nội, Việt Nam/ No. 10 Tran Nguyen Han Street, No 27-29 Ly Thai To Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi, Vietnam			Deputy Chairman of the BOD
3	Nguyễn Hoàng Long Nguyen Hoang Long		Phó Chủ tịch HĐQT Vice Chairman of the Board of Directors			0	0	
3.1	Phan Văn Cầu Phan Van Cau					0	0	Bố vợ Father-in-law
3.2	Nguyễn Thị Thu Hiền					0	0	Mẹ vợ

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
	Nguyễn Thị Thu Hiền							Mother-in-law
3.3	Phan Thị Vân Anh <i>Phan Thi Van Anh</i>					0	0	Vợ <i>Wife</i>
3.4	Nguyễn Khánh Chi <i>Nguyen Khanh Chi</i>					0	0	Con gái <i>Daughter</i>
3.5	Nguyễn Nam Phong <i>Nguyen Nam Phong</i>					0	0	Con trai <i>Son</i>
3.6	Nguyễn Thị Hà <i>Nguyen Thi Ha</i>					0	0	Chị gái <i>Older sister</i>
3.7	Nguyễn Thị Thủy Hoa <i>Nguyen Thi Thuy Hoa</i>					0	0	Em gái <i>Younger sister</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
3.8	Phạm Huy Toàn <i>Pham Huy Toan</i>					0	0	Anh rể <i>Brother-in-law</i>
3.9	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX <i>GELEX group ,, JSC</i>	072C000888 005C691133 0001209248 003C868686 C099888M1 091C199888 068C609212 105C978655 033C029068 008C008998 007C110668 006C333688 002C178630 116C512512		Số ĐKKD: 0100100512 <i>Business Registration Number: 0100100512</i> Ngày cấp: 22/05/2026 <i>Date of issue: 22/05/2026</i> Nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Số 10 Trần Nguyễn Hân và số 27-29, phố Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ No. 10 Tran Nguyen Han Street, No 27-29 Ly Thai To Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi, Vietnam	624,900.000	70,21	Ông Nguyễn Hoàng Long không còn là Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn GELEX kể từ ngày 01/04/2026 Mr. Nguyen Hoang Long ceased to hold the position of Deputy Chief Executive Officer of GELEX Group Joint Stock Company, effective April 1, 2026.

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
3.10	Công ty TNHH FIH (Vietnam) FIH (Vietnam) Co., Ltd			Số ĐKKD: 0319116584 Business Registration Number: 0319116584 Ngày cấp: 20/08/2025 Date of issue: 20/08/2025 Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	Số 2 Ngõ Đức Kê, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh/ No. 2 Ngo Duc Ke Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City	0	0	Ông Nguyễn Hoàng Long không còn là chủ tịch HĐQT kiêm TGD của Công ty kể từ ngày 15/05/2026. Mr. Nguyen Hoang Long ceased to hold the positions of Chairman of the Members' Council and General Director of the Company, effective May 15, 2026.
3.11	Công ty TNHH Đầu tư BEL Capital/ BEL Capital Invest Co., Ltd.			Số ĐKKD: 0109453569 Business Registration Number: 0109453569 Ngày cấp: 12/11/2020	52 Đường 3.8, KĐT Gamuda Gardens, phường Hoàng Mai, Hà Nội/ No. 52, 3.8 Street, Gamuda Gardens	0	0	Ông Nguyễn Hoàng Long là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đồng thời là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty/ Mr. Nguyen Hoang

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
				Date of issue: 12/11/2020 Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội <i>Department of Planning and Investment of Hanoi City</i>	Urban Area, Hoang Mai Ward, Hanoi			Long is the 100% owner of the capital and concurrently serves as the Chairman and Director of BEL Capital Invest Co., Ltd.
4	Trần Mạnh Hữu <i>Tran Manh Huu</i>		Thành viên HĐQT <i>Member of BOD</i>			0	0	
4.1	Nguyễn Thị Quế <i>Nguyen Thi Que</i>					0	0	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
4.2	Trần Khang <i>Tran Khang</i>					0	0	Con trai <i>Son</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
4.3	Trần Kim Khánh <i>Tran Kim Khanh</i>					0	0	Con gái <i>Daughter</i>
4.3	Trần Xuân Lâm <i>Tran Xuan Lam</i>					0	0	Con trai <i>Son</i>
4.4	Trần Thị Hằng <i>Tran Thi Hang</i>					0	0	Em gái <i>Younger sister</i>
4.5	Tổng công ty Viglacera – CTCP (“VGC”) / <i>Viglacera Corporation –</i> <i>JSC</i>	058C386969		Số ĐKKD: 0100108173 <i>Business Registration</i> <i>Number: 0100108173</i> Ngày cấp: 07/10/2025 <i>Date of issue:</i> <i>07/10/2025</i>	Tầng 16&17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội/ <i>16th & 17th Floors,</i> <i>Viglacera Building,</i> <i>No. 1 Thang Long</i> <i>Boulevard, Dai Mo</i> <i>Ward, Hanoi</i>	0	0	Là Chủ tịch HĐQT Công ty <i>Chairman of the</i> <i>BOD</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
				Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hà Nội/ Hanoi <i>Department of Finance</i>				
5	Phan Thị Hạnh Dung <i>Phan Thi Hanh Dung</i>		Thành viên độc lập HĐQT <i>Independent Member of the BOD</i>			0	0	
5.1	Phan Văn Quý <i>Phan Van Quy</i>					0	0	Bố đẻ <i>Father</i>
5.2	Hồ Thị Thơ <i>Ho Thi Tho</i>					0	0	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
5.3	Nguyễn Thị Phong <i>Nguyen Thi Phong</i>					0	0	Mẹ chồng <i>Mother-in-law</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
5.4	Trần Đức Hậu <i>Tran Duc Hau</i>					0	0	Bố chồng <i>Father-in-law</i>
5.5	Trần Phi Hoàng <i>Tran Phi Hoang</i>					0	0	Chồng <i>Husband</i>
5.6	Trần Duy Hưng <i>Tran Duy Hung</i>					0	0	Con trai <i>Son</i>
5.7	Trần Thùy Dương <i>Tran Thuy Duong</i>					0	0	Con trai <i>Son</i>
5.8	Phan Thị Anh Đào <i>Phan Thi Anh Dao</i>					0	0	Chị gái <i>Older sister</i>
5.9	Phan Đình Lai					0	0	Anh rể

Sst No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
	Phan Đình Lai							Brother-in-law
5.10	Phan Thị Quỳnh Hoa Phan Thi Quỳnh Hoa					0	0	Chị gái Older sister
5.11	Phan Đình Trình Phan Đình Trình					0	0	Anh rể Brother-in-law
5.12	Phan Hùng Sơn Phan Hung Son					0	0	Anh ruột Older brother
5.13	Trần Thanh Thủy Tran Thanh Thủy					0	0	Chị dâu Sister-in-law
5.14	Phan Quốc Anh Phan Quoc Anh					0	0	Em ruột Younger brother

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
5.15	Phan Thị Hiền <i>Phan Thi Hien</i>					0	0	Em dâu <i>Sister-in-law</i>
5.16	Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng số Viki <i>Hanoi Branch - Viki Digital Bank Securities One Member Co., Ltd</i>			Số ĐKKD: 0302941973 <i>Business Registration Number:</i> Ngày cấp: 2/6/2025 <i>Date of issue: 2/6/2025</i> Nơi cấp: Sở Tài chính thành phố Hà Nội <i>Place of issue: Hanoi Department of Finance</i>	181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, TP Hà Nội <i>181 Nguyen Luong Bang, Dong Da Ward, Hanoi City</i>	0	0	Là Giám đốc Chi nhánh <i>Branch Director</i>
6	Lê Văn Thăng <i>Le Van Thang</i>		Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>			0	0	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
6.1.	Lê Huy Thảo <i>Le Huy Thao</i>					0	0	Bố đẻ <i>Father</i>
6.2.	Lê Thị Phú <i>Le Thi Phu</i>					0	0	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
6.3.	Nguyễn Văn Học <i>Nguyen Van Hoc</i>					0	0	Bố vợ <i>Father-in-law</i>
6.4.	Nguyễn Thị Tinh <i>Nguyen Thi Tinh</i>					0	0	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
6.5.	Nguyễn Thu Nga <i>Nguyen Thu Nga</i>					0	0	Vợ <i>Wife</i>
6.6.	Lê Huy Phát					0	0	Con đẻ

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Chi chú Note
	Le Huy Phat							Son
6.7.	Lê Chí Hiền <i>Le Chi Hien</i>					0	0	Con dè <i>Son</i>
6.8.	Lê Thị Khuyên <i>Le Thi Khuyen</i>					0	0	Em gái <i>Younger sister</i>
6.9.	Đỗ Xuân Hà <i>Do Xuan Ha</i>					0	0	Em Rể <i>Brother-in-law</i>
6.10.	Lê Thị Xuyên <i>Le Thi Xuyen</i>					0	0	Em gái <i>Younger sister</i>
6.11.	Đỗ Văn Bình <i>Do Van Binh</i>					0	0	Em Rể <i>Brother-in-law</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
6.12.	Lê Huy Khôi Le Huy Khoi					0	0	Em trai Younger brother
6.13.	Đinh Thị Ánh Dinh Thi Anh					0	0	Em dâu Sister-in-law
6.14.	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà/ Song Da Water Investment JSC.	021C228915		Số ĐKKD: 5400310164 Business Registration Number: 5400310164 Ngày cấp: 14/08/2025 Date of issue: 14/08/2025 Nơi cấp: Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ Phu Tho Provincial Department of Finance	Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam/ Vat Lai Hamlet, Thinh Minh Commune, Phu Tho Province, Vietnam	0	0	Là chủ tịch HĐQT Công ty Chairman of the BOD

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
6.15.	Công ty TNHH Hạ Tầng GELEX Bắc Sài Gòn 1/ GELEX BAC SAI GON 1 Ltd			Số ĐKKD: 0319426314 <i>Business Registration Number: 0319426314</i> Ngày cấp: 04/03/2026 <i>Date of issue: 04/03/2026</i> Nơi cấp: Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh <i>Place of issue: Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	Lầu 3 Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. 3rd, Khanh Thong Building, No. 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	0	0	Là Thành viên hội đồng thành viên công ty <i>Member of the Members' Council</i>
6.16.	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng GELEX Bắc Sài Gòn 2 GELEX Bac Sai Gon 2 <i>Infrastructure Limited Company</i>			Số ĐKKD: 0319428287 <i>Business Registration Number: 0319428287</i> Ngày cấp: 06/03/2026 <i>Date of issue: 06/03/2026</i>	Lầu 3 Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. 3rd, Khanh Thong Building, No. 67	0	0	Là chủ tịch hội đồng thành viên công ty <i>Chairman of the Members' Council and General Director</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Chí chú Note
				Nơi cấp: Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh <i>Place of issue: Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	Nguyen Thi Minh Khai, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam			
6.17.	Công ty TNHH Hạ tầng gelex Tây Thành Phố <i>GELEX West City Infrastructure Limited Company</i>			Số ĐKKD: 0319447177 <i>Business Registration Number: 0319447177</i> Ngày cấp: 16/03/2026 <i>Date of issue: 16/03/2026</i> Nơi cấp: Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh <i>Place of issue: Ho Chi Minh City Department of Finance</i>	Lầu 3 Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. 3rd, Khanh Thong Building, No. 67 Nguyen Thi Minh Khai, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	0	0	Là chủ tịch hội đồng thành viên công ty <i>Chairman of the Members' Council and General Director</i>
7	Tôn Mạnh Dũng		Phó Tổng Giám đốc			0	0	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	<i>Ton Manh Dung</i>							
7.1.	Tôn Quang Minh <i>Ton Quang Minh</i>					0	0	Con rể <i>Son</i>
7.2.	Tôn Mạnh Hùng <i>Ton Manh Hung</i>					0	0	Anh trai <i>Older brother</i>
7.3.	Tôn Thị Thu Hương <i>Ton Thi Thu Huong</i>					0	0	Chị gái <i>Older sister</i>
7.4.	Nguyễn Hồng Ly <i>Nguyen Hong Ly</i>					0	0	Chị dâu <i>Sister-in-law</i>
7.5.	Công ty Cổ phần Titan Hải Phòng/ <i>Titan Hai Phong</i> JSC.			Số ĐKKD: 0202280462 <i>Business Registration Number: 0202280462</i>	Số 01 Lô 3A - Khu Đô Thị Mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, phường Ngõ Quyển, Thành phố	0	0	Chủ tịch HĐQT kiểm Tổng Giám đốc

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Chi chủ Note
				Ngày cấp: 29/03/2025 <i>Date of issue: 29/03/2025</i> Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ <i>Hai Phong City Department of Finance</i>	Hải Phòng/ No. 01, Lot 3A – Cat Bi Airport Five-way Intersection New Urban Area, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City			Chairman of the BOD cum Director General
7.6.	Công ty cổ phần Dầu tư Vihoco Tiên Dương/ <i>Vihoco Tien Duong Investment JSC</i>			Số ĐKKD: 0111154703 <i>Business Registration Number: 0111154703</i> Ngày cấp: 26/07/2025 <i>Date of issue: 26/07/2025</i> Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 14, tòa nhà Viglacera, số 1 đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, Hà Nội/ <i>14th Floor, Viglacera Building, No. 1 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, Hanoi</i>	0	0	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>
7.7.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu vật liệu Kim Trang/ <i>Kim Trang</i>			Số ĐKKD: 0202260360	Số 54 ngõ 333 đường Văn Cao, Phường Hải An,	0	0	Ông Tôn Mạnh Dũng không còn là Chủ tịch HĐQT

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
	Materials Import-Export JSC.			Business Registration Number: 0202260360 Ngày cấp: 25/08/2025 Date of issue: 25/08/2025 Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ Hai Phong City Department of Finance	TP. Hải Phòng/ No. 54, Lane 333, Van Cao Street, Hai An Ward, Hai Phong City			Kiểm Tổng Giám đốc kể từ ngày 09/02/2026. Mr. Ton Manh Dung ceased to hold the positions of Chairman of the Board of Directors and General Director, effective February 9, 2026.
7.8.	Công ty Cổ phần Viglacera Hưng Yên/ Viglacera Hung Yen JSC			Số ĐKKD: 0901129785 Business Registration Number: 0901129785 Ngày cấp: 17/11/2025 Date of issue: 17/11/2025 Nơi cấp: Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên/ Hung	ĐH KCN Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên/ Yen My Industrial, Yen My Commune, Hung Yen Province			Phó chủ tịch HĐQT Công ty Vice Chairman of the Board of Directors of the Company

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
				Yen Provincial Department of Finance				
8	Nguyễn Quang Việt Nguyen Quang Viet		Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director			108.000	0,012	
8.1.	Tô Quế Phương To Que Phuong					0	0	Vợ Wife
8.2.	Nguyễn Quang Minh Nguyen Quang Minh					0	0	Con ruột Son
8.3.	Nguyễn Quang Đức Nguyen Quang Duc					0	0	Con ruột Son

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
8.4.	Trần Thị Hạnh <i>Tran Thi Hanh</i>					0	0	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
8.5.	Nguyễn Anh Minh <i>Nguyen Anh Minh</i>					0	0	Em trai <i>Younger brother</i>
8.6.	Tô Hoa Toàn <i>To Hoa Toan</i>					0	0	Bố vợ <i>Father-in-law</i>
8.7.	Lê Bích Quế <i>Le Bích Que</i>					0	0	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
8.8.	Công ty Cổ Phần Thiết bị Mỹ Kim <i>My Kim Equipment Joint Stock Company</i>			Số ĐKKD: 0102670846 <i>Business Registration Number: 0102670846</i>	Tầng 1, tòa nhà 25A, ngõ 379/8 Đội Cán, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam <i>Floor 1, Building 25A, Alley 379/8</i>	0	0	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the BOD</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
					Đoài Can Street, Ngọc Hà Ward, Hanoi City, Vietnam			
8.9.	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Nội thất KB KB Interior Production and Construction Joint Stock Company			Số ĐKKD: 0101530620 Business Registration Number: 0101530620	Tầng 1, tòa nhà số 25A, ngõ 379/8, phố Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam Floor 1, Building 25A, Alley 379/8 Doi Can Street, Ngoc Ha Ward, Hanoi City, Vietnam	0	0	Chủ tịch HĐQT Chairman of the BOD
8.10.	Công ty Cổ phần Viglacera Hưng Yên/ Viglacera Hung Yen JSC			Số ĐKKD: 0901129785 Business Registration Number: 0901129785	ĐH KCN Yên Mỹ, Xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên/ Yen My Industrial, Yen My	0	0	Chủ tịch HĐQT Chairman of the BOD

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
9.3.	Đào Văn Uy Dao Van Uy					0	0	Bố đẻ Father
9.4.	Trần Thị Thập Tran Thi Thap					0	0	Mẹ đẻ Mother
9.5.	Vũ Mạnh Trường Vu Manh Truong					0	0	Bố vợ Father-in-law
9.6.	Phạm Thị Lý Pham Thi Ly					0	0	Mẹ vợ Mother-in-law
9.7.	Công ty TNHH Acteam International Acteam International Co., Ltd			Số ĐKKD: 5800523209 Business Registration Number: 5800523209 Ngày cấp: 10/01/2022		0	0	Tổng Giám đốc Director General

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
				<i>Date of issue: 10/01/2022</i> Nơi cấp: Sở kế hoạch đầu tư tỉnh lâm đồng <i>Place of issue: Lam Dong Department of Planning and Investment</i>				
9.8.	Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam <i>Vietnam Infrastructure Investment & Development JSC.</i>			Số ĐKKD: 0102799293 <i>Business Registration Number: 0102799293</i> Ngày cấp: 13/01/2026 <i>Date of issue: 13/01/2026</i> Nơi cấp: Sở Tài chính thành phố Hà Nội <i>Place of issue: Hanoi Department of Finance</i>	Số 147, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam <i>No. 147, Hoang Quoc Viet Street, Nghia Do Ward, Hanoi City, Vietnam</i>	0	0	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
9.9.	Công ty Cổ phần Dầu tư KCN Dầu khí Long Sơn <i>Long Son Petroleum Industrial Zone Investment JSC.</i>			Số ĐKKD: 3500811001 <i>Business Registration Number: 3500811001</i> Ngày cấp: 24/03/2025 <i>Date of issue: 24/03/2025</i> Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chí Minh City <i>Department of Finance</i>	Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh/ 3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City			Thành viên HĐQT công ty từ ngày 27/05/2026 <i>Member of the BOD of the Company, effective May 27, 2026.</i>
10	Lê Việt Hà <i>Le Viet Ha</i>		Trưởng Ban kiểm soát <i>Head of the Supervisory Board</i>			0	0	
10.1.	Trần Quang Hưng					0	0	Em rể

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
	Tran Quang Hung							Brother-in-law
10.2.	Lê Bích Ngọc <i>Le Bích Ngọc</i>					0	0	Em gái <i>Younger sister</i>
10.3.	Lê Thu Hằng <i>Le Thu Hang</i>					0	0	Chị gái <i>Older sister</i>
10.4.	Phạm Toàn Thắng <i>Pham Toan Thang</i>					0	0	Anh rể <i>Brother-in-law</i>
10.5.	Phạm Thị Mùi <i>Pham Thi Mui</i>					0	0	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
10.6.	Phan Ngọc Anh <i>Phan Ngọc Anh</i>					0	0	Chồng <i>Husband</i>

Sit No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
10.7.	Phan Lê Anh Khởi Phan Le Anh Khai					0	0	Con Son
10.8.	Phan Lê An Nhiên Phan Le An Nhon					0	0	Con Daughter
10.9.	Phan Văn Mỹ Phan Van My					0	0	Bố chồng Father-in-law
10.10.	Trần Thị Phú Tran Thi Phu					0	0	Mẹ chồng Mother-in-law
10.11.	Công ty Cổ phần Điện lực GELEX/ Electricity JSC.	003C210666 072C003888 068C608486 077C095678 021C547109 091C616888 105C001133		Số ĐKKD: 0107547109 Business Registration Number: 0107547109 Ngày cấp: 22/05/2025	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội/ No. 52 Le Dai Hanh Street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba	0	0	Phó Tổng Giám đốc Công ty Deputy Director General

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
		036C668888		Date of issue: 22/05/2025 Nơi cấp: Sở Tài chính TP Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Trung Hanoi District,			
II	Lê Anh Đức <i>Le Anh Duc</i>		Thành viên ban kiểm soát <i>Member of the Supervisory Board</i>			0	0	
11.1.	Lê Văn Phúc <i>Le Van Phuc</i>					0	0	Bố đẻ <i>Father</i>
11.2.	Nguyễn Thúy Nga <i>Nguyen Thuy Nga</i>					0	0	Mẹ đẻ <i>Mother</i>

SĐT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
11.3.	Lê Minh Anh <i>Le Minh Anh</i>					0	0	Em gái <i>Younger sister</i>
11.4.	Lê Minh Phương <i>Le Minh Phuong</i>					0	0	Vợ <i>Wife</i>
11.5.	Lê Văn Ngọc <i>Le Van Ngoc</i>					0	0	Bố vợ <i>Father-in-law</i>
11.6.	Nguyễn Thị Kim Liên <i>Nguyen Thi Kim Lien</i>					0	0	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
11.7.	Lê Bảo Hân <i>Le Bao Han</i>					0	0	Con <i>Daughter</i>
11.8.	Công ty Cổ phần Dầu tư KCN Dầu khí Long Sơn			Số ĐKKD: 3500811001	Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị	0	0	Trưởng Ban Kiểm soát

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
	Long Sơn Petroleum Industrial Zone Investment JSC.			Business Registration Number: 3500811001 Ngày cấp: 24/03/2025 Date of issue: 24/03/2025 Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Department of Finance	Minh Khai, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh/ 3rd Floor, Khang Thong Building, No. 67 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City			
11.9.	Công ty Cổ phần Phú Thanh Mỹ/ Phu Thanh Mỹ JSC.			Số ĐKKD: 4000455251 Business Registration Number: 4000455251 Ngày cấp: 29/05/2024 Date of issue: 29/05/2024 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Nam/ Department of Planning	Tổ 9, Tò dân phố Thanh Mỹ 2, Xã Thanh Mỹ, TP. Đà Nẵng/ Group 9, Thanh Mỹ 2 Residential Area, Thanh Mỹ Commune, Da Nang City	0	0	Ông Lê Anh Đức thời là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty kể từ ngày 14/01/2026 Mr. Le Anh Duc ceased to serve as Head of the Supervisory Board of the Company,

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
				and Investment of Quang Nam Province				effective January 14, 2026.
12	Nguyễn Thị Ngọc Huyền Nguyen Thi Ngoc Huyen		Thành viên ban kiểm soát Member of the Supervisory Board			0	0	
12.1.	Nguyễn Xuân Hiệp Nguyen Xuan Hiep					0	0	Bố đẻ Father
12.2.	Nguyễn Thị Ngọc Hương Nguyen Thi Ngoc Huong					0	0	Mẹ đẻ Mother
12.3.	Nguyễn Xuân Huy Nguyen Xuan Huy					0	0	Em trai Younger brother

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
12.4.	Lê Thúy An Le Thuy An					0	0	Em dâu Sister-in-law
12.5.	Công ty Cổ phần Thiết bị điện Electrical Equipment Joint Stock Company			Số ĐKKD: 3600253826 Business Registration Number: 3600253826 Ngày cấp 04/01/2024, Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai/ Business Registration No. 3600253826, issued on 04/01/2024, by Dong Nai Department of Planning and Investment	KCN Biên Hoà 1- Đường số 9- Phường Trảng Bền- Tỉnh Đồng Nai- Việt Nam/ Bien Hoa 1 Industrial Zone, 9th Street, Tran Bien Ward, Dong Nai, Vietnam	0	0	Trưởng Ban kiểm soát Head of the Supervisory Board
12.6.	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX GELEX group JSC	072C000888 005C691133 0001209248 003C868686 C099888M1 091C199888 068C609212 105C978655		Số ĐKKD: 0100100512 Business Registration Number: 0100100512 Ngày cấp: 22/05/2026	Số 10 Trần Nguyễn Hân và số 27-29, phố Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ No. 10 Tran	624.900.000	70,21	Người phụ trách QTCT Corporate Governance Officer of the Compan

Sit No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
		033C029068 008C008998 007C110668 006C333688 002C178630 116C512512		Date of issue: 22/05/2026 Nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ Hanoi Department of Finance	Nguyen Han Street, No 27-29 Ly Thai To Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi, Vietnam	0	0	
13	Nguyễn Thị Hoàng Ngân Nguyen Thi Hoang Ngan		Kế toán trưởng Chief Accountant			0	0	
13.1.	Dương Duy Sơn Duong Duy Son					0	0	Chồng Husband
13.2.	Nguyễn Văn Nhiệm Nguyen Van Nhim					0	0	Bố đẻ Father
13.3.	Dương Thiết Xây					0	0	Bố chồng

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	Dương Thiệt Xay							Father-in-law
13.4.	Ngô Thị Lệ <i>Ngo Thi Le</i>					0	0	Mẹ chồng <i>Mother-in-law</i>
13.5.	Dương Hà Linh <i>Duong Ha Linh</i>					0	0	Con gái <i>Daughter</i>
13.6.	Dương Đức Huy <i>Duong Duc Huy</i>					0	0	Con trai <i>Son</i>
13.7.	Dương Minh Quân <i>Duong Minh Quan</i>					0	0	Con trai <i>Son</i>
13.8.	Nguyễn Thị Hoàng Hà <i>Nguyen Thi Hoang Ha</i>					0	0	Em gái <i>Younger sister</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
13.9.	Hoàng Nam Anh <i>Hoang Nam Anh</i>					0	0	Em rể <i>Brother-in-law</i>
13.10.	Công ty cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội <i>Tay Ha Noi Clean Water Joint Stock Company</i>			Số ĐKKD: 0106913627 <i>Business Registration Number: 0106913627</i> Ngày cấp: 08/10/2025 <i>Date of issue: 08/10/2025</i> Nơi cấp: Phòng ĐKKD và TCDN – Sở Tài chính thành phố Hà Nội	Thôn Trại Chiếu, Xã Sơn Đồng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam <i>Trại Chiếu Hamlet, Sơn Đồng Commune, Hanoi City, Vietnam</i>	0	0	Trưởng Ban kiểm soát <i>Head of the Supervisory Board</i>
13.11.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu vật liệu Kim Trang <i>Kim Trang Material Import Export Joint Stock Company</i>		TV HĐQT <i>Member of BOD</i>	Số ĐKKD: 0202260360 <i>Business Registration Number: 0202260360</i> Ngày cấp: 25/08/2025	Số 54 ngõ 333 đường Văn Cao, Phường Hai An, TP. Hải Phòng <i>No. 54, Alley 333, Van Cao Street, Hai</i>			Bà Nguyễn Thị Hoàng Ngân thời là TV HĐQT công ty từ ngày 09/02/2026 <i>Ms. Nguyen Thi Hoang Ngân</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
				Date of issue: 25/08/2025 Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hải Phòng/Hai Phong City Department of Finance	An Ward, Hai Phong City			ceased to hold the position of the Member of the BOD of the Company, effective February 9, 2026.
14	Bùi Đăng Khoa <i>Bui Dang Khoa</i>		Giám đốc tài chính, người được Ủy quyền công bố thông tin <i>Chief Financial Officer; Authorized Information Disclosure Officer</i>			0	0	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
14.1.	Bùi Hồng Khanh <i>Bui Hong Khanh</i>					0	0	Bố đẻ <i>Father</i>
14.2.	Phạm Thị Lợi <i>Pham Thi Loi</i>					0	0	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
14.3.	Đoàn Thị Hoài Thu <i>Doan Thi Hoai Thu</i>					0	0	Vợ <i>Wife</i>
14.4.	Bùi Doãn Bảo Phong <i>Bui Doan Bao Phong</i>					0	0	Con đẻ <i>Son</i>
14.5.	Bùi Doãn Hoàng Bách <i>Bui Doan Hoang Bach</i>					0	0	Con đẻ <i>Son</i>
14.6.	Bùi Ngọc Nghi					0	0	Em gái

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú Note
	Bùi Ngọc Nghi							Younger sister
14.7.	Vũ Văn Luân Vu Van Luan					0	0	Em rể Brother-in-law
14.8.	Vũ Thị Hải Yến Vu Thi Hai Yen					0	0	Mẹ Vợ Mother-in-law
14.9.	Đoàn Mạnh Cường Doan Manh Cuong					0	0	Bố vợ Father-in-law
14.10.	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX GELEX group JSC	072C000888 005C691133 0001209248 003C868686 C099888M1 091C199888 068C609212 105C978655 033C029068 008C008998 007C110668		Số ĐKKD: 0100100512 Business Registration Number: 0100100512 Ngày cấp: 22/05/2026 Date of issue: 22/05/2026	Số 10 Trần Nguyễn Hân và số 27-29, phố Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ No. 10 Tran Nguyen Han Street, No 27-29 Ly Thai To Street, Hanoi	624.900.000	70,21	Giám đốc Ban Tài chính – Kế toán Director of the Finance and Accounting Department

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
		006C333688 002C178630 116C512512		Nơi cấp: Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Kiem Ward, Hanoi, Vietnam			
14.11.	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà/ Song <i>Da Water Investment JSC.</i>	021C228915		Số ĐKKD: 5400310164 <i>Business Registration Number: 5400310164</i> Ngày cấp: 14/08/2025 <i>Date of issue: 14/08/2025</i> Nơi cấp: Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ <i>Phu Tho Provincial Department of Finance</i>	Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam/ <i>Vat Lai Hamlet, Thinh Minh Commune, Phu Tho Province, Vietnam</i>	0	0	Thành viên HDQT <i>Member of the BOD</i>
14.12.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội/ Hanoi <i>Electromechanical Manufacturing (HEM)</i>			Số ĐKKD: 0100100456 <i>Business Registration Number: 0100100456</i> Ngày cấp: 06/05/2025, Nơi cấp Sở Tài chính Hà	Km 12, Đường Cầu Diễn, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội/	0	0	Ông Bùi Đăng Khoa không còn là Thành viên HDQT Công ty kể

Số No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
				Nội / Business Registration No. 0100100456, issued on 06/05/2025, by Hanoi Department of Finance	Km12, Cau Dien Street, Xuan Phuong Ward, Hanoi city, Vietnam			từ ngày 15/04/2026 Mr. Bui Dang Khoa ceased to hold the position of Member of the BOD of the Company, effective April 15, 2026.
14.13.	Công ty TNHH Đầu tư GELEX/ <i>GELEX Investment Co., Ltd.</i>			Số ĐKKD: 0111128855 <i>Business Registration Number: 0111128855</i> Ngày cấp: 16/07/2025 <i>Date of issue: 16/07/2025</i> Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hà Nội/ <i>Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam/ <i>8th Floor, No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam</i>	0	0	Tổng Giám đốc <i>Director General</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
14.14.	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai/ CADIVI Dong Nai One Member Co., Ltd			Số ĐKKD: 3603058326 <i>Business Registration Number: 3603058326</i> Ngày cấp: 28/10/2025 <i>Date of issue: 28/10/2025</i> Nơi cấp: Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai/ Dong Nai Provincial Department of Finance	Đường số 1, KCN Long Thành, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai/ Street No. 1, Long Thanh Industrial Park, An Phuoc Commune, Dong Nai Province	0	0	Ông Bùi Đăng Khoa là Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai/ Mr. Bui Dang Khoa is a member of the Members' Council of CADIVI Dong Nai One Member Co., Ltd.
14.15.	Công ty TNHH G&F Residence/ Residence Co., Ltd.			Số ĐKKD: 0319127272 <i>Business Registration Number: 0319127272</i> Ngày cấp: 25/08/2025 <i>Date of issue: 25/08/2025</i> Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ 70-72 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City	0	0	Ông Bùi Đăng Khoa là Thành viên HĐQT/ Mr. Bui Dang Khoa is a member of the Members' Council

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Ghi chú Note
				Chi Minh City <i>Department of Finance</i>				
14.16.	Công ty TNHH FPMS (Vietnam)			Số ĐKKD: 0319217952 <i>Business Registration Number: 0319217952</i> Ngày cấp: 15/10/2025 <i>Date of issue: 15/10/2025</i> Nơi cấp: Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh City Department of Finance</i>		0	0	Ông Bùi Đăng Khóa là Thành viên HĐQT/ <i>Mr. Bui Dang Khoa is a member of the Members' Council</i>
15	Lưu Tiến Mạnh <i>Luu Tien Manh</i>		Người phụ trách quản trị Công ty <i>Person in charge of Corporate Governance</i>			0	0	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Chi chú Note
15.1.	Đào Thị Hải Hà <i>Dao Thi Hai Ha</i>					0	0	Vợ <i>Wife</i>
15.2.	Lưu Văn Quảng <i>Luu Van Quang</i>					0	0	Bố đẻ <i>Father</i>
15.3.	Nguyễn Thị Hương <i>Nguyen Thi Huong</i>					0	0	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
15.4.	Đào Nguyễn Hiệp <i>Dao Nguyen Hiep</i>					0	0	Bố vợ <i>Father-in-law</i>
15.5.	Nguyễn Thị Hoàn <i>Nguyen Thi Hoan</i>					0	0	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
15.6.	Lưu Thị Thu Hằng					0	0	Chị gái

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period (%)</i>	Chi chú Note
	Lưu Thị Thu Hang							Older sister
15.7.	Nguyễn Văn Cường <i>Nguyen Van Cuong</i>					0	0	Anh rể <i>Brother-in-law</i>
15.8.	Lưu Nguyễn Bảo Anh <i>Luu Nguyen Bao Anh</i>					0	0	Em gái <i>Younger sister</i>

PHỤ LỤC 6.
APPENDIX 6
GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY
TRANSACTION OF INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS WITH SHARES OF THE COMPANY

Stt No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal persons	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ (%) Percentage (%)	Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ (%) Percentage (%)	
1.	Công ty cổ phần Tập Đoàn GELEX GELEX group JSC	Công ty mẹ Parent company	624.900.000	79,10	624.900.000	70,21	Công ty cổ phần Tập Đoàn GELEX không thực hiện giao dịch chuyển nhượng/bán, số cổ phiếu không đổi, việc giảm tỷ lệ sở hữu là do Công Ty tăng thêm vốn điều lệ/cổ phiếu GELEX Group Joint Stock Company did not perform any transfer/sale transactions, and its number of shares remained unchanged, the reduction in ownership percentage was due to the Company's charter capital/shares increase

2.	Lương Thanh Tùng	Tổng giám đốc <i>General director</i>	5.675	0,00072	5.675	0,00064	Ông Lương Thanh Tùng không thực hiện giao dịch chuyển nhượng/bán, số cổ phiếu không đổi, việc giảm tỷ lệ sở hữu là do Công Ty tăng thêm vốn điều lệ/cổ phiếu <i>Mr Luong Thanh Tung did not perform any transfer/sale transactions, and its number of shares remained unchanged; the reduction in ownership percentage was due to the Company's charter capital/shares increase</i>
3.	Nguyễn Quang Việt	Phó Tổng giám đốc <i>Deputy General Director</i>	0	0	108.000	0,012	Nhận chuyển nhượng/ Share purchase